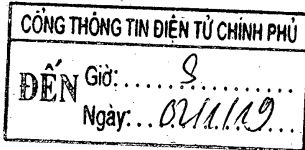


NGHỊ QUYẾT

Về phân bổ các nguồn vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước năm 2019



**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ
KHOÁ XVIII, KỲ HỌP THỨ BẢY**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 06 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ ban hành nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016 – 2020.

Xét Tờ trình số 5336/TTr-UBND ngày 23 tháng 11 năm 2018, Báo cáo số 207/BC-UBND ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Tán thành Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2018 và kế hoạch đầu tư công năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về bố trí vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước (NSNN) 2019, phân bổ như sau:

1. Về nguồn vốn đầu tư

Tổng số vốn đầu tư kế hoạch năm 2019 là 2.398.224 triệu đồng, trong đó:

- Vốn Chương trình mục tiêu ngân sách Trung ương (hỗ trợ có mục tiêu) là 502.520 triệu đồng.
- Vốn nước ngoài ODA là 302.422 triệu đồng.
- Vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương là 1.212.019 triệu đồng.
- Vốn bố trí cho các Chương trình mục tiêu Quốc gia là 381.263 triệu đồng.

2. Nguyên tắc, tiêu chí bố trí kế hoạch

Kế hoạch đầu tư nguồn NSNN năm 2019 theo các nguyên tắc, tiêu chí dưới đây:

(1) Góp phần thực hiện các mục tiêu và các định hướng phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020 và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2019, phù hợp với hệ thống quy hoạch Quốc gia; kế hoạch tài chính 5 năm Quốc gia giai đoạn 2016 - 2020; kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016 - 2020. Gắn việc xây dựng kế hoạch đầu tư công năm 2019 với việc thực hiện cơ cấu lại nền kinh tế giai đoạn 2016 - 2020 và đột phá xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ.

(2) Phù hợp với quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước và các nghị định hướng dẫn; Nghị quyết số 25/2016/QH14 ngày 09/11/2016 của Quốc hội về kế hoạch tài chính 5 năm quốc gia giai đoạn 2016 - 2020, Nghị quyết số 26/2016/QH14 ngày 10/11/2016 của Quốc hội về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020, Nghị quyết số 1023/NQ-UBTVQH13 ngày 28/8/2015 của Ủy ban thường vụ Quốc hội và Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg ngày 14/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016 - 2020; Chỉ thị số 13/CT-TTG ngày 24/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách năm 2019; Chỉ thị số 06/CT-UBND ngày 27/6/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2019; Văn bản số 7446/BKHĐT-TH ngày 19/10/2018 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc dự kiến phân bổ Kế hoạch vốn NSNN năm 2019.

(3) Kế hoạch đầu tư năm 2019 được xây dựng trên cơ sở tiếp tục cơ cấu lại đầu tư nguồn NSNN theo hướng tập trung, khắc phục dàn trải, nâng cao hiệu quả đầu tư.

(4) Việc phân bổ kế hoạch vốn đầu tư nguồn NSNN năm 2019 cho các dự án phải quán triệt các nguyên tắc sau:

- Phương án phân bổ chi tiết kế hoạch vốn đầu tư nguồn NSNN năm 2019 cho từng dự án phải phù hợp và không được vượt quá dự kiến kế hoạch đầu tư nguồn NSNN giai đoạn 2016 - 2020 đã trình cấp có thẩm quyền sau khi trừ đi số vốn đã bố trí trong kế hoạch năm 2016, 2017 và 2018.

- Phù hợp với khả năng thực hiện và giải ngân trong năm 2019.

(5) Thứ tự ưu tiên.

- Bố trí vốn thanh toán nợ đọng xây dựng cơ bản;

- Công trình dự kiến hoàn thành trong năm 2019;

- Dự án chuyên tiếp thực hiện theo tiến độ được phê duyệt, đảm bảo bố trí vốn hoàn thành dự án theo đúng thời gian quy định tại Điều 13 Nghị định 77/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 của Chính phủ;

- Dự án khởi công mới có đầy đủ thủ tục đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư công, Nghị định 120/NĐ-CP ngày 13/9/2018 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 77/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015; Nghị định 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015; Nghị định 161/2016/NĐ-CP ngày 02/12/2016 của Chính phủ;

- Đối với vốn nước ngoài, ưu tiên tập trung bố trí vốn cho các dự án kết thúc Hiệp định năm 2019 nhưng không có khả năng gia hạn, các dự án có tiến độ giải ngân tốt.

3. Phương án phân bổ chi tiết

3.1. Nguồn vốn Chương trình mục tiêu ngân sách Trung ương (hỗ trợ mục tiêu):

Tổng số vốn đăng ký phân bổ là 502.520 triệu đồng, trong đó:

- Bố trí hoàn trả vốn ứng trước: 22.500 triệu đồng

- Bố trí vốn cho các dự án đầu tư đang triển khai: 480.020 triệu đồng.

3.2. Vốn nước ngoài ODA cấp phát từ NSTW: Tổng số vốn đăng ký phân bổ là 302.422 triệu đồng, bố trí cho 05 chương trình, dự án.

3.3. Nguồn vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương

Tổng số phân bổ là 1.212.019 triệu đồng, trong đó:

a) Phần vốn ngân sách tỉnh phân bổ 862.019 triệu đồng, bố trí cụ thể như sau:

- Phần vốn cân đối theo nguyên tắc, tiêu chí và nguồn thu xô số kiến thiết: 461.419 triệu đồng, cụ thể:

+ Bố trí cho các công trình hoàn thành, quyết toán: 111.916 triệu đồng;

+ Bố trí cho các công trình chuyên tiếp: 200.378 triệu đồng;

+ Bố trí cho các công trình khởi công mới: 7.000 triệu đồng;

+ Hỗ trợ lồng ghép ngân sách huyện, xã (Thực hiện nhiệm vụ xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn mới, y tế, giáo dục...): 142.125 triệu đồng.

- Phần vốn từ nguồn Bội thu ngân sách nhà nước: 150.600 triệu đồng, bố trí trả các khoản nợ gốc các khoản vay của ngân sách địa phương.

- Phần vốn từ nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách tỉnh được hưởng: 250.000 triệu đồng, bố trí như sau:

+ Chi lập hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: 10.000 triệu đồng;

+ Trả nợ hợp đồng BT cầu Đòng Quang: 70.000 triệu đồng;

- + Trả các khoản vay nước ngoài của Chính phủ: 25.400 triệu đồng;
- + Bố trí các công trình, dự án hoàn thành, thanh toán nợ xây dựng cơ bản...: 144.600 triệu đồng.

b) Ngân sách huyện, xã từ nguồn thu tiền sử dụng đất theo tỷ lệ điều tiết là 350.000 triệu đồng: bố trí đảm bảo theo tiêu chí, nguyên tắc chung, dành một phần kinh phí bố trí cho công tác xử lý, bảo vệ môi trường và lập hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

3.4. Vốn Chương trình mục tiêu quốc gia

Tổng số vốn đầu tư đăng ký phân bổ là 381.263 triệu đồng, trong đó:

- Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững: 107.663 triệu đồng;
- Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới: 273.600 triệu đồng.

(Nội dung cụ thể theo các biểu phân bổ chi tiết kèm theo).

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao:

- Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo tổ chức thực hiện Nghị quyết;
- Đối với những công trình, dự án quyết định phân bổ sau, đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh xin ý kiến Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh trước khi ra quyết định phân bổ;
- Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ Khoá XVIII, kỳ họp thứ Bảy thông qua ngày 12 tháng 12 năm 2018 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2019./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh, Chính phủ;
- UBND, UBND;
- Các Bộ: KH&ĐT, Tài chính;
- Công thông tin điện tử Chính phủ;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế của các Bộ: KH&ĐT, Tài chính;
- TTTU, HĐND, UBND, UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- TAND, VKSND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- TTHĐND, UBND các huyện, thành, thị;
- TT Công báo – Tin học;
- CVP, các PCVP;
- Lưu VT.

CHỦ TỌA



PHÓ CHỦ TỊCH
Vi Trọng Lễ

DỰ KIẾN PHÂN BỐ KẾ HOẠCH VỐN HỖ TRỢ MỤC TIÊU NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU) NĂM 2019

(Kèm theo Nghị quyết số: 16/2018/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc quyết định đầu tư điều chỉnh được Thủ tướng Chính phủ ban hành năm 2018					Số vốn kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016-2020 còn lại			KH 2019			Ghi chú
				Số Quyết định	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: NSTW	Tổng số	Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	Tổng số	Trong đó:		
													Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	
A	TỔNG SỐ				4.932.579	3.569.084	1.766.802	1.425.602	1.132.729	75.000	0	502.520	22.500	0	
I	Chương trình mục tiêu Phát triển kinh tế - xã hội các vùng				2.610.557	1.546.250	1.131.430	790.230	291.731	0	0	169.270	0	0	
1	Đường sơ tán dân, cứu hộ cứu nạn thị xã Phú Thọ (đoạn từ Quốc lộ 2 đến đường dẫn lên cầu Ngọc Tháp)	TX Phú Thọ		112/QĐ-UBND, 12/01/2012; 2766/QĐ-UBND, 30/10/2013, 3390/QĐ-UBND ngày 15/12/2016; 112/QĐ-UBND, 21/1/2012; 451/QĐ-UBND ngày 3/3/2017	105.559	83.000	72.680	70.000	13.000	0	0	13.000	0	0	
-	Đường sơ tán dân, cứu hộ cứu nạn thị xã Phú Thọ (đoạn từ Quốc lộ 2 đến đường dẫn lên cầu Ngọc Tháp) - Giai đoạn 1	TX Phú Thọ	14-16	112/QĐ-UBND, 12/01/2012; 2766/QĐ-UBND, 30/10/2013	52.500	50.000	52.680	50.000	0	0	0				
-	Đường sơ tán dân, cứu hộ cứu nạn thị xã Phú Thọ (đoạn từ Quốc lộ 2 đến đường dẫn lên cầu Ngọc Tháp) - Giai đoạn 2	TX Phú Thọ	16-20	3390/QĐ-UBND ngày 15/12/2016; 112/QĐ-UBND, 21/1/2012	53.059	33.000	20.000	20.000	13.000	0	0	13.000			
2	Đường Tân Phú - Xuân Đài (giai đoạn 2)	Tân Sơn	16-20	2642/QĐ-UBND ngày 30/10/2015	139.059	115.000	45.000	45.000	30.500	0	0	24.500			
3	Dự án tuyến đường từ cầu Kim Xuyên đến Quốc lộ 2 và đường Hồ Chí Minh	Đoan Hùng	14-18	1197/QĐ-UBND ngày 8/5/2012; 2768/QĐ-UBND ngày 30/10/2013; 771/QĐ-UBND, 10/4/2014	348.065	300.000	214.500	214.500	42.000	0	0	20.000			
4	Cầu qua sông Bản xã Võ Miếu, huyện Thanh Sơn	Thanh Sơn	2014-2018	1729/QĐ-UBND, 29/7/2014; 2608/QĐ-UBND, 29/10/2014; 748/QĐ-UBND ngày 5/4/2017	294.500	249.500	88.000	88.000	2.000	0	0	2.000			
5	Cải tạo, nâng cấp hệ thống tiêu Ngòi Trang, Ngòi Hiêng, huyện Hạ Hòa (GD1 + GD2)	Hạ Hòa	14-18	2402/QĐ-UBND, 12/9/2012; 2747/QĐ-UBND, 30/10/2013; 2679/QĐ-UBND, 31/10/2014	425.219	350.000	177.000	177.000	64.500	0	0	34.000			
6	Trạm bơm tiêu cho các xã Sai Nga, Sơn Nga, Thanh Nga và thị trấn Sông Thao huyện Cẩm Khê			358/QĐ-UBND ngày 22/2/2016; 807/QĐ-UBND ngày 8/4/2016	323.024	114.000	48.000	48.000	25.211			10.000			
7	Hoàn thiện hệ thống giao thông, cấp nước sinh hoạt, điện chiếu sáng trung tâm huyện Tân Sơn	Tân Sơn	16-20	734/QĐ-UBND ngày 30/3/2016	101.885	85.000	18.230	18.230	25.770	0	0	25.770			

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc quyết định đầu tư điều chỉnh được Thủ tướng Chính phủ giao kế hoạch các năm			Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2018		Số vốn kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016-2020 còn lại			KH 2019			Ghi chú
				Số Quyết định	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: NSTW	Tổng số	Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	Tổng số	Trong đó:		
													Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	
8	Xây dựng hệ thống kênh tưới, tiêu kết hợp đường giao thông từ Khu di tích lịch sử Quốc gia Đền Hùng đi cầu Phong Châu	Lâm Thao	2015-2019	2794/QĐ-UBND 31/10/2013; 1961/QĐ-UBND 26/8/2014; 304/QĐ-UBND, 17/2/2017	240.610	40.750	63.000	18.000	22.750	0	0	20.000			
9	Đường giao thông liên huyện Thanh Thủy - Thanh Sơn	Thanh Thủy, Thanh Sơn	2015-2019	1806/QĐ-UBND ngày 06/8/2014; 65/QĐ-UBND, 12/1/2017	213.236	44.000	84.000	10.000	34.000	0	0	20.000			
II	Chương trình mục tiêu tái cơ cấu kinh tế nông nghiệp và phòng chống giảm nhẹ thiên tai, ổn định đời sống dân cư				899.700	899.700	158.500	158.500	404.500	0	0	118.750	0	0	
	<i>Dự án chuyển tiếp</i>				899.700	899.700	158.500	158.500	0	0	0	118.750	0	0	
1	Cải tạo, gia cố và nâng cấp tuyến đê tả sông Thao đoạn Km64 - Km80,1 từ thị xã Phú Thọ đến cầu Phong Châu (Giai đoạn I: Đoạn từ Km64-Km75 và Tuyến nhánh đê tả ngòi Lò Lợn)	TX Phú Thọ	16-20	607/QĐ-UBND, 17/3/2016	499.603	499.603	103.500	103.500	236.500	0	0	88.750			
2	Trạm bơm tiêu Sơn Tinh, huyện Cẩm Khê (giai đoạn I: xây dựng khu đầu mối TB và kênh chính Km0 đến Km9+400)	Cẩm Khê	16-20	637/QĐ-UBND, 17/3/2016	400.097	400.097	55.000	55.000	168.000	0	0	30.000			
III	Chương trình mục tiêu Phát triển lâm nghiệp bền vững				219.559	207.889	48.000	48.000	57.400	5.000	0	13.400	5.000	0	
(1)	<i>Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011-2015 sang giai đoạn 2016-2020</i>				26.759	25.899	2.000	2.000	5.000	5.000	0	5.000	5.000	0	
1	Dự án nâng cao năng lực phòng cháy chữa cháy rừng và bảo vệ rừng cấp bách giai đoạn 2012-2015	HTT	16-20	2949/QĐ-UBND 31/10/2012; 3318, 27/12/2013	26.759	25.899	2.000	2.000	5.000	5.000	0	5.000	5.000		
(2)	<i>Dự án chuyển tiếp</i>				192.800	181.990	46.000	46.000	52.400	0	0	8.400	0	0	
1	Dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng Vườn quốc gia Xuân Sơn giai đoạn 2016-2020	Tân Sơn	16-20	638/QĐ-UBND, 18/3/2016	129.990	129.990	31.000	31.000	45.000	0	0	5.000			
2	Dự án nâng cao năng lực phòng cháy chữa cháy rừng và bảo vệ rừng cấp bách giai đoạn 2015-2020	HTT	16-20	499/QĐ-UBND, 10/3/2016	62.810	52.000	15.000	15.000	7.400	0	0	3.400			
IV	Chương trình mục tiêu Phát triển hệ thống trợ giúp xã hội				12.998	7.000	5.000	5.000	2.000	0	0	2.000	0	0	
(1)	<i>Dự án chuyển tiếp</i>				12.998	7.000	5.000	5.000	2.000	0	0	2.000	0	0	
	Dự án nhóm C														
1	Dự án cải tạo, nâng cấp Trung tâm Quản lý sau cai nghiện ma túy giai đoạn 2016-2020	Phù Ninh	2017-2020	688/QĐ-UBND ngày 30/3/2017	12.998	7.000	5.000	5.000	2.000	0	0	2.000			
V	Chương trình mục tiêu Phát triển văn hóa				503.710	316.200	105.739	105.739	210.461	0	0	90.000	0	0	
(1)	<i>Các dự án chuyển tiếp</i>				503.710	316.200	105.739	105.739	210.461	0	0	90.000	0	0	
	Dự án nhóm A								0	0	0				
1	Hoàn thiện tu bổ, tôn tạo hạ tầng, cảnh quan Trung tâm lễ hội Khu di tích lịch sử Đền Hùng	Việt Trì	16-20	710/QĐ-UBND, 30/3/2016; 1219/UBND-KTTH ngày 31/3/2017	503.710	316.200	105.739	105.739	210.461	0	0	90.000			
VI	Chương trình mục tiêu Phát triển hạ tầng du lịch				250.050	197.257	87.338	87.338	0	0	0	40.000	0	0	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc quyết định đầu tư điều chỉnh được Thủ tướng Chính phủ giao kế hoạch các năm				Tỷ lệ vốn đã bỏ tri đến hết năm 2018		Số vốn kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016-2020 còn lại			KH 2019		Ghi chú
				Số Quyết định	Tổng số (tính cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW	Tổng số	Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	Tổng số	Trong đó:				
											Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB			
	<i>Các dự án chuyển tiếp</i>				250.050	197.257	87.338	87.338	0	0	0	40.000	0	0	
I	Hồ Công viên Văn Lang giai đoạn 2016-2020	Việt Trì	16-20	711/QĐ-UBND, 30/3/2016	250.050	197.257	87.338	87.338	107.662	0	0	40.000			
VII	Chương trình mục tiêu Quốc phòng an ninh trên địa bàn trọng điểm				237.149	226.788	52.482	52.482	66.518	0	0	25.000	0	0	
	<i>Dự án chuyển tiếp</i>				237.149	226.788	52.482	52.482	66.518	0	0	25.000	0	0	
1	Cải tạo, nâng cấp đường nối các xã vùng 229 huyện Yên Lập gồm các xã (Phúc Khánh, Thượng Long, Nga Hoàng và Xuân Thủy)	Yên Lập	16-20	04/QĐ-UBND, 04/3/2016	100.361	90.000	25.482	25.482	21.518	0	0	10.000			
2	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông liên xã Cự Thắng - Cự Đồng, huyện Thanh Sơn (thuộc CT 229)	Thanh Sơn	16-20	01/QĐ-UBND, 19/02/2016	136.788	136.788	27.000	27.000	45.000	0	0	15.000			
VIII	Chương trình mục tiêu phát triển kinh tế thủy sản bền vững				66.978	60.000	19.000	19.000	14.600	0	0	14.600	0	0	
	<i>Dự án chuyển tiếp</i>				66.978	60.000	19.000	19.000	14.600	0	0	14.600	0	0	
1	Hạ tầng nuôi trồng thủy sản bền vững thuộc xã Văn Lung, thị xã Phú Thọ	TX Phú Thọ	16-20	465/QĐ-UBND ngày 08/3/2016	66.978	60.000	19.000	19.000	14.600	0	0	14.600			
IX	Chương trình mục tiêu đầu tư hạ tầng khu kinh tế ven biển, khu kinh tế cửa khẩu, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu công nghệ cao, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao				131.878	108.000	63.000	63.000	17.480	0	0	12.000	0	0	
	<i>Dự án chuyển tiếp</i>				131.878	108.000	63.000	63.000	17.480	0	0	12.000	0	0	
	Dự án nhóm B						0	0	0	0	0				
1	Đường nối từ QL32C vào Khu công nghiệp Cẩm Khê, huyện Cẩm Khê (đoạn từ nút 12 đến nút 19)	Cẩm Khê	2016-2020	359/QĐ-UBND ngày 22/02/2016; 809/QĐ-UBND, 8/4/2016	131.878	108.000	63.000	63.000	17.480	0	0	12.000			
X	Chương trình mục tiêu hỗ trợ vốn đối ứng ODA						96.313	96.313	68.039	70.000	0	17.500	17.500		Chi tiết tại phụ biểu số 02

DỰ KIẾN PHÂN BỐ KẾ HOẠCH VỐN NƯỚC NGOÀI ODA VÀ VỐN VAY SỬ DỤNG CỦA CÁC NHÀ TÀI TRỢ NƯỚC NGOÀI NĂM 2019

(Kèm theo Nghị quyết số: 16/2018/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục công trình, dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Nhà tài trợ	Ngày ký kết hiệp định	Số quyết định	Quyết định đầu tư				Lũy kế vốn đã bố trí đến hết KH năm 2018			Kế hoạch năm 2019				Ghi chú		
								Trong đó: (tính cả các nguồn vay)		Vốn nước ngoài (theo Hiệp định) ⁽²⁾		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn đối ứng		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn đối ứng					
								Tổng số	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó NSTW		Vốn nước ngoài cấp phát từ NSTW	Vốn nước ngoài cấp phát từ NSTW		Trong đó: thu hồi các khoản vốn ứng trước					
								Tổng số	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó NSTW	Tổng số			Tổng số		Tổng số				
TỔNG SỐ								3.953.186	987.201	524.690	133.356	2.965.984	2.136.388	412.058	369.031	1.724.330	319.922	17.500	17.500	17.500	302.422
1	Cải tạo, nâng cấp đường huyện Thanh Sơn (Tỉnh lộ 316D- Tân Lập - Yên Lương - Yên Sơn)	xã Tân Lập, Yên Lương và Yên Sơn	22km đường cấp V miền núi	2011-2018	JICA		2816/QĐ-UBND, 3/10/2008; 2035/QĐ-UBND, 17/6/2011 1158/QĐ-UBND, 10/5/2013	158.352	102.892	48.999		55.460	85.390	29.930	23.530	55.460	17.500	17.500	17.500		
2	PTTD KTXH các đô thị Việt Trì, Hưng Yên và Đồng Đăng-HP dự án tại TP Việt Trì	Thành phố Việt Trì		2012-2017	ADB	2826-VIE	3026/QĐ-UBND, 28/9/11	1.101.760	415.360	290.752	32.000	686.400	930.067	269.900	245.000	660.167				Dự án đã kết thúc, đang làm thủ tục quyết toán. Điều chuyển 24900 cho dự án khác	
3	Hệ thống xử lý nước thải khu liên hợp công nghiệp-dịch vụ-đô thị Thủy Vân, tỉnh Phú Thọ	KCN Thủy Vân	HT XLNT 5.000m3/n ngày đêm	2014-2016	Na UY	21/12/2012	1426/QĐ-UBND, 12/6/2012	141.015	52.971	37.080	3.214	88.043	108.221	29.900	19.600	78.321					
4	Trạm bơm tiêu Bình Bộ, huyện Phú Ninh	Phú Ninh	Tiêu ứng 5.367ha đất TN, 2.160ha đất NN	2014-2018	EXB	11/7/2013	3007/QĐ-UBND, 25/11/2013 1966/QĐ-UBND, 26/8/2014; 3213/QĐ-UBND ngày 30/11/2016; 923/QĐ-UBND ngày 27/4/2017; 2124/QĐ-UBND ngày 28/6/2018; 1540/QĐ-UBND ngày 28/6/2018	258.326	58.114	40.680	9.500	200.212	198.753	28.541	28.501	170.212					
5	Chương trình nước sạch và vệ sinh nông thôn dựa trên kết quả tại 8 tỉnh đồng bằng sông Hồng	Toàn tỉnh		2013-2018	WB	22/2/2013	2283/QĐ-BNN-HTQT ngày 21/9/2012	651.607	129.153	0	25.000	522.455	111.147	0	0	111.147	10.420			10.420	
6	Dự án thành phần sửa chữa, nâng cao an toàn đập tỉnh Phú Thọ, thuộc dự án Sửa chữa và nâng cao an toàn đập (WB8)	Tỉnh Phú Thọ		2016-2022	WB	8/4/2016	673/QĐ-UBND, 24/3/2016	216.830	11.470		9.130	205.360	36.081	0	0	36.081	23.710			23.710	
7	Chương trình Mô hình quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả	Toàn tỉnh		2016-2020	WB	29/4/2016	3606/QĐ-BNN-HTQT ngày 04/9/2016	235.476	19.530	0	10.000	215.946	60.152	0	0	60.152	76.480			76.480	
8	Dự án hỗ trợ xử lý chất thải bệnh viện	BVĐK tỉnh Phú Thọ, BVĐK huyện Tam Nông, huyện Cẩm Khê và thị xã Phú Thọ		2011-2019	WB	31/5/2011	QĐ 147/QĐ-BYT ngày 21/01/2011	60.897	3.317	0		57.580	30.137	0	0	30.137					
9	Dự án Hỗ trợ y tế các tỉnh Đông Bắc Bộ và Đồng bằng Sông Hồng	BVĐK tỉnh Phú Thọ, BVĐK huyện Thanh Sơn, huyện Cẩm Khê, huyện Hạ Hòa và huyện Đoan Hùng		2013-2019	WB	01/8/2013	2136/QĐ-BYT ngày 16/6/2014	226.396	10.368	4.147	10.269	216.028	58.325	0	0	58.325					

TT	Danh mục công trình, dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Nhà tài trợ	Ngày ký kết hiệp định	Quyết định đầu tư					Lũy kế vốn đã bố trí đến hết KH năm 2018			Kế hoạch năm 2019				Ghi chú			
							Số quyết định	TMĐT				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Trong đó:		
								Vốn đối ứng ⁽¹⁾		Vốn nước ngoài (theo Hiệp định) ⁽²⁾			Vốn đối ứng			Vốn đối ứng						
								Tổng số	Trong đó: NSTW	Tính bằng ngoại tệ nghìn USD	Quy đổi ra tiền Việt		Tổng số	Trong đó NSTW		Vốn nước ngoài cấp phát từ NSTW	Tổng số			Trong đó NSTW	Vốn nước ngoài cấp phát từ NSTW	
10	Dự án GD THCS khu vực KKN, giai đoạn 2, tỉnh Phú Thọ	Huyện Yên Lập, Thanh Sơn, Tân Sơn		2016-2017	ADB	23/1/2015	3240, 3241, 3242, 3243 ngày 24/12/2015	14.437	4.049	0	455	10.389	10.372	0	0	10.372					Dự án kết thúc. Đề nghị điều chuyển cho dự án khác	
11	Chương trình phát triển giáo dục trung học giai đoạn 2	Huyện Yên Lập, Thanh Sơn, Tân Sơn		2018-2020	ADB	02/03/2017		46.700	11.700	0	1.535	35.000	0	0	0	0	32.112				32.112	
12	Hệ thống thu gom và xử lý nước thải TP Việt Trì	Thành phố Việt Trì		2009-2018	EDCF - Hân Quốc	VNM 17	309/QĐ-UBND, 2/2/2010; 2737/QĐ-UBND, 29/10/2013	841.390	168.278	103.032	32.253	673.112	507.743	53.787	52.400	453.956	159.700				159.700	

KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRONG CÂN ĐỐI NSDP (XDCB TẬP TRUNG) NĂM 2019
(Kèm theo Nghị quyết số: 16/2018/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Tên, danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Lũy kế vốn đã bố trí đến hết 31/12/2018	Kế hoạch 2019	Ghi chú (Chủ đầu tư)
		Số quyết định, ngày tháng năm	TMBT, QT*			
A	NGUỒN VỐN					
*	Tổng số				1 212 019	
	Trong đó:					
	- Cân đối ngân sách địa phương				439 419	
	- Thu tiền sử dụng đất				600 000	
	+ Điều tiết cho ngân sách huyện và xã				350 000	
	+ Chi môi trường, Lập hồ sơ địa chính và các nhiệm vụ chi khác				250 000	
	- Thu xổ số kiến thiết				22 000	
	- Bội thu ngân sách địa phương (theo báo cáo số 41/BC-CP ngày 17/10/2018 của Chính phủ)				150 600	
	+ Số vốn ngân sách tỉnh được phân bổ: (439.419 + 22.000 + 250.000+150.600) triệu đồng = 862.019 triệu đồng					
	+ Số vốn ngân sách huyện, xã phân bổ: 350.000 triệu đồng (do huyện và xã phân bổ)					
B	KẾ HOẠCH PHÂN BỐ (PHẦN VỐN NGÂN SÁCH TỈNH)				862 019	
1	Phân vốn cân đối theo nguyên tắc, tiêu chí và nguồn thu xổ số kiến thiết				461 419	
	Trong đó:					
	- Công trình hoàn thành, quyết toán				111 916	Chi tiết tại mục C
	- Công trình chuyển tiếp				200 378	Chi tiết tại mục C
	- Hỗ trợ lồng ghép ngân sách huyện, xã (Thực hiện nhiệm vụ XDSC hạ tầng NTM, y tế, giáo dục...)				142 125	Chi tiết tại mục C
	- Công trình khởi công mới				7 000	Chi tiết tại mục C
2	Bội thu ngân sách địa phương (dùng để trả các khoản nợ gốc các khoản vay của địa phương)				150 600	
	- Trả nợ Ngân hàng Phát triển				89 600	Quyết định phân bổ sau
	- Trả nợ vay nhân rỗi Kho bạc nhà nước				52 300	Quyết định phân bổ sau
	- Trả các khoản vay lại vốn vay nước ngoài của Chính Phủ				8 700	Quyết định phân bổ sau
3	Phân vốn từ nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách tỉnh được hưởng năm 2019				250 000	
	Trong đó:					
	- Trả nợ hợp đồng BT cầu Đồng Quang				70 000	
	- Chi lập hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất				10 000	
	- Trả các khoản vay lại vốn vay nước ngoài của Chính Phủ				25 400	Quyết định phân bổ sau
	- Bố trí các công trình, dự án hoàn thành, thanh toán nợ XDCB...				144 600	Chi tiết tại mục C
C	Bố trí các công trình, dự án			5 882 191	3 386 010	606 019
I	Công trình, dự án cấp tỉnh quản lý			4 842 613	3 096 496	319 294
1	Công trình, dự án đã hoàn thành, quyết toán			3 331 382	2 523 032	111 916
a	Các sở, ban, ngành			1 557 229	1 022 344	65 092
*	Ban QL các Khu công nghiệp và Công ty PHTT Khu công nghiệp			68 922	50 473	9 954
	Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư Bạch Hạc giai đoạn II	3383/QĐ-UBND 26/12/2014		19 283	18 642	641

STT	Tên, danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Lũy kế vốn đã bố trí đến hết 31/12/2018	Kế hoạch 2019	Ghi chú (Chủ đầu tư)
		Số quyết định, ngày tháng năm	TMĐT, QT*			
-	San nền, đường giao thông nội bộ phần còn lại lô số 9 và hạng mục: Một nửa mặt đường đoạn FLS3A + nền, mặt đường rãnh thoát nước mưa phần còn lại đoạn FLS lô số 9 và lô số 10 - KCN Thụy Vân giai đoạn II	846/QĐ-UBND 18/4/2017	6 487	6 031	456	
-	Khu công nghiệp Trung Hà (các hạng mục đã phê duyệt quyết toán trước 31/12/2014)				427	
-	Tuyến đường N3 Khu công nghiệp Trung Hà	2949 ngày 08/11/2016	8 734	6 400	1 430	
-	Tuyến đường ngang nối Khu công nghiệp Thụy Vân với xã Thanh Đình	2827 ngày 31/10/2016	4 922	2 200	2 000	
-	Tuyến đường S2 Khu công nghiệp Thụy Vân	2635 ngày 18/10/2016	29 496	17 200	5 000	
*	Sở Giao thông vận tải		330 905	254 401	18 200	Sở Giao thông vận tải
-	Cải tạo, nâng cấp đường nối QL2(ngã 3 Đền Hùng) đến đường cao tốc Nội Bài-Lào Cai thuộc xã Hùng Lô, thành phố Việt Trì (323B)	308, ngày 12/2/2014	52 537	24 000	4 600	
-	Đường từ nút giao IC9 đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai đến đường 35m thị xã Phú Thọ (đường vào khu CN Phú Hà)	596-QĐ-UBND, 26/3/15; 2643/QĐ-UBND, 30/10/15	116 000	109 900	6 100	
-	Cải tạo, nâng cấp ĐT.316 đoạn Tân Phương-Hưng Hóa (đối với đoạn từ K0+000-K4+200, từ xã Tân Phương đến xã Đào Xá, huyện Thanh Thủy)	2667 20/10/2016	59 947	47 000	5 000	
-	Cải tạo, nâng cấp đường từ QL2 đến Khu di tích lịch sử quốc gia Đền Hùng	1078/QĐ-UBND 15/5/2014	85 000	58 000	600	
-	Dự án đường nối QL32C-QL70 và xây dựng cầu Hạ Hoà (bổ sung tăng cường moduyn đàn hồi yêu cầu toàn bộ mặt đường dẫn và đường nối trên lớp mặt đường cũ) đoạn từ Km15+00-Km21+127,43	348 ngày 18/02/2016	17 421	15 501	1 900	
*	Sở Nông nghiệp và PTNT		892 896	495 898	21 828	Sở Nông nghiệp và PTNT
-	Đắp tôn cao, mở rộng và cứng hóa mặt đê tả sông Thao kết hợp đường giao thông đoạn km0-km17, huyện Hạ Hòa (giai đoạn II: Đoạn km15 đê tả sông Thao - đầu cầu Lửa Việt)	2887 ngày 25/11/2015; 2433 ngày 19/9/2017	24 408	20 900	1 700	
-	Nâng cao chất lượng an toàn sản phẩm nông nghiệp và phát triển chương trình khí sinh học Phú Thọ (QSEAP)	1122/QĐ-BNN ngày 04/4/2016	173 451	2 000	1 000	Đối ứng dự án ODA
-	Nâng cấp công trình cấp nước sinh hoạt xã Xuân Lũng và Xuân Huy, thuộc dự án: Phát triển cơ sở hạ tầng nông thôn bền vững các tỉnh miền núi phía Bắc, tỉnh Phú Thọ	2272/QĐ-UBND 11/9/2018	26 341	24 087	850	Đối ứng dự án ODA
-	Đường ô tô đến các xã khó khăn huyện Tân Sơn, tuyến đường đến xã Tân Sơn (đoạn Km5+500 - Km9+323,26)	1946 ngày 6/8/2007; 1482 ngày 10/6/2009	145 182	144 420	750	
-	Nâng cấp tuyến đường giao thông từ Quốc lộ 32C đi Hiền Đa, Văn Khúc và tuyến đường từ quốc lộ 32C qua Cát Trù, Văn Khúc đi tỉnh lộ 329 kết hợp đường sơ tán dân (Tuyến QL32C-Hiền Đa-Văn Khúc và nhánh rẽ)	247/QĐ-UBND ngày 21/01/2012; 2748/QĐ-UBND ngày 17/10/2012	48 253	26 955	2 200	
-	Đường sơ tán dân thuộc xã Bảo Yên, Sơn Thủy, Tát Thắng -huyện Thanh Thủy và Thanh Sơn	1285/QĐ-UBND 09/6/2014; 1149/QĐ-UBND ngày 22/5/2017	35 975	24 987	2 343	

STT	Tên, danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Lũy kế vốn đã bố trí đến hết 31/12/2018	Kế hoạch 2019	Ghi chú (Chủ đầu tư)
		Số quyết định, ngày tháng năm	TMDT, QT*			
-	Cải tạo, nâng cấp và gia cố tuyến đê tả ngòi Vĩnh Mộ	20/7/2009; 2130/QĐ-UBND/8/8/2012; 1776/QĐ-UBND 20/7/2016	90 320	75 787	2 757	
-	Xử lý khẩn cấp sự cố sạt lở bờ, vờ sông đoạn Km2,4-Km4,4 đê hữu Lỗ, xã Chí Đám; Km3,3-Km4,3 đê tả Lỗ, xã Hữu Đê, huyện Đoan Hùng.	406/QĐ-SNN ngày 10/9/2012; 2728/QĐ-UBND 28/10/2013	65 286	62 022	928	
-	Xử lý sạt lở bờ, vờ sông đoạn Km20+420-Km21+400 và đoạn km21+950 đến km22+940 đê tả Đà, huyện Thanh Thủy.	2357 ngày 02/10/2014, 2944 ngày 25/11/2014	62 988	37 922	4 500	
-	Đầu tư phát triển giống cây lâm nghiệp chất lượng cao tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2013-2015	2662/QĐ-UBND ngày 22/10/2013	16 052		400	
-	Hệ thống cấp điện, thuộc dự án Hồ Suối Mương và hệ thống cấp nước, cấp điện cho bản Đèo Mương, xã Thu Ngạc, huyện Tân Sơn	145/QĐ-UBND 13/01/2011	5 642	4 184	1 400	
-	Tu bổ tuyến đê tả, đê hữu ngòi Me huyện Cẩm Khê (gói thầu số 04)	2070/QĐ-UBND ngày 9/7/2010	198 998	72 634	3 000	
*	Ngành giáo dục và đào tạo		31 699	15 805	5 424	Ngành giáo dục và đào tạo
-	Nhà lớp học 2 tầng 4 phòng học- Trường THPT Hạ Hòa	2749, ngày 10/11/2014	5 535		400	Trường THPT Hạ Hòa
-	Nhà làm việc cho các tổ bộ môn và họp hội đồng sư phạm; san nền cục bộ mở rộng sân vận động	2653 ngày 30/10/2015	4 290	1 700	2 400	THPT Thanh Ba
-	Cải tạo, sửa chữa 02 nhà lớp học 2 tầng 20 phòng học và xây dựng nhà điều hành - Trường THPT Cẩm Khê		4 632		2 000	THPT Cẩm Khê
-	Cải tạo, sửa chữa cơ sở vật chất Trường THPT Mỹ Văn để thực hiện xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia	2647/QĐ-UBND 10/10/2017	2 805	2 455	350	THPT Mỹ Văn
-	Giáo dục trung học cơ sở khu vực khó khăn nhất, giai đoạn 2	số 3240,3241,3242, 3243/QĐ-UBND ngày 24/12/2015	14 437	11 650	274	Sở Giáo dục đào tạo
*	Sở, ngành khác		232 807	205 767	9 686	
-	Nâng cấp, cải tạo trụ sở nhà làm việc Báo Phú Thọ	2683 ngày 31/10/2014	11 161	7 600	2 300	Báo Phú Thọ
-	Cải tạo, sửa chữa Trụ sở làm việc Tỉnh ủy	157/QĐ-UBND, ngày 19/01/2016	20 125	19 103	1 000	Văn phòng Tỉnh ủy
-	Cải tạo, nâng cấp Sân vận động Việt Trì	1808/QĐ-UBND 26/7/2016	94 131	89 724	1 000	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
-	Dự án trung tâm Phát thanh - Truyền hình tỉnh Phú Thọ	2246/QĐ-UB ngày 15/7/2002	37 181	24 036	1 200	Đài PTTH tỉnh
-	Cải tạo, sửa chữa trụ sở làm việc Sở Ngoại vụ	2323/QĐ-UBND 14/9/2018	4 568	3 168	1 400	Sở Ngoại vụ
-	Nhà N1, N2, N3 - Khoa Kinh tế	1082/QĐ-UBND 11/5/2016	30 378	29 678	500	Trường Đại học Hùng Vương
-	Nhà giảng đường 3 tầng A - Trường Cao đẳng kinh tế và Kỹ nghệ thực hành	269 ngày 11/02/201	15 540	14 701	500	Trường Cao đẳng kinh tế-Kỹ nghệ thực hành
-	Sửa chữa nhà làm việc Sở Tài nguyên Môi trường	770/QĐ-UBND, 4/4/2016	5 580	4 500	900	Sở Tài nguyên Môi trường
-	Sửa chữa phần mái nhà trộn rác với phụ gia EM nhà nghiền sàng; nhà vè viên đóng bao; nhà chứa rác đầu vào; nhà ủ chín; nhà kho thành phẩm; nhà tái chế nilon (giai đoạn 1 năm 2013) - Công trình: Sửa chữa hư hỏng của Nhà máy Chế biến phế thải đô thị Việt Trì	2386/QĐ-UBND, 02/10/2015	2 742	2 200	542	Công ty TNHH NN MTV xử lý và chế biến chất thải Phú Thọ

STT	Tên, danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Lũy kế vốn đã bố trí đến hết 31/12/2018	Kế hoạch 2019	Ghi chú (Chủ đầu tư)
		Số quyết định, ngày tháng năm	TMĐT, QT*			
-	Xây dựng bãi chôn lấp chất thải tạm thời xã Vân Phú và xã Phượng Lâu thuộc nhà máy chế biến phế thải đô thị Việt Trì	2886/QĐ-UBND ngày 18/11/2014	11 401	11 057	344	Công ty TNHH NN MTV xử lý và chế biến chất thải Phú Thọ
b	Các huyện, thành, thị		1 774 153	1 500 688	46 824	
*	Huyện Cẩm Khê		31 326	28 464	2 300	
-	Xây dựng khu tái định cư thuộc dự án: Đường nối từ QL.32C vào Khu công nghiệp Cẩm Khê, huyện Cẩm Khê	2629/QĐ-UBND ngày 30/10/2015, 253/QĐ-UBND ngày 29/1/2016	8 432	6 746	1 200	UBND huyện Cẩm Khê
-	Trung tâm dạy nghề huyện Cẩm Khê	2228 11/7/2011	22 894	21 718	1 100	Trung tâm GDNN-GDTX huyện Cẩm Khê
*	Huyện Hạ Hòa		472 660	392 031	6 400	
-	Đường giao thông đến trung tâm xã Phú Khánh, huyện Hạ Hòa (Đoạn Km 2+300-Km9+945)	2067 ngày 20/8/07; 1259 ngày 14/4/11; 205 ngày 24/1/2013	76 925	62 519	2 000	UBND huyện Hạ Hòa
-	Cải tạo nâng cấp nhà hội trường kiêm nhà lớp học - Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện Hạ Hòa	3703, ngày 07/10/2016	3 565	3 165	400	Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện Hạ Hòa
-	Đường giao thông tránh lũ các xã phía bên bờ hữu sông Thao, huyện Hạ Hòa (tuyến số 3: Vô Tranh - Động Lâm)	1222 ngày 07/5/10; 1749 ngày 03/8/2015	280 031	223 014	3 000	UBND huyện Hạ Hòa
-	Cải tạo, nâng cấp hệ thống đường giao thông Vùng đồi huyện Hạ Hòa (gói số 01); tuyến số 4: Phú Khánh - Lệnh Khanh - Đan Thượng (đoạn từ Km0-Km1+400)	3169 ngày 15/10/04; 2246 ngày 18/8/05; 501 ngày 23/02/06; 2513 ngày 04/9/08; 1054 ngày 30/3/11; 2189/QĐ-UBND 25/7/2011	112 139	103 334	1 000	UBND huyện Hạ Hòa
*	Huyện Lâm Thao		112 000	93 000	3 500	
-	Cải tạo, nâng cấp kênh tưới kết hợp đường giao thông trung tâm xã Sơn Dương	Số 2181, ngày 21/10/2011	112 000	93 000	3 500	UBND huyện Lâm Thao
*	Huyện Đoan Hùng		304 466	238 166	12 644	
-	Xây dựng kè đê hữu sông Lô đoạn qua Sóc Đăng và thị trấn Đoan Hùng	3494/QĐ-UBND 04/11/11	57 549	53 952	2 000	UBND huyện Đoan Hùng
-	Nhà lớp học bộ môn - Trường Phổ thông DTNT và THCS Đoan Hùng	1330/QĐ-UBND 06/6/2016	4 327	3 783	544	Trường phổ thông dân tộc nội trú Đoan Hùng
-	Nhà hiệu bộ thuộc dự án Đầu tư xây dựng Trung tâm dạy nghề Đoan Hùng	1726/QĐ-UBND 29/7/2014	4 018	3 718	300	Trung tâm GDNN-GDTX huyện Đoan Hùng
-	Đường cứu hộ, cứu nạn, tránh lũ xã Yên Kiện, huyện Đoan Hùng	225/QĐ-UBND 02/02/12	42 102	40 000	1 000	UBND huyện Đoan Hùng
-	Kè bảo vệ bờ, vờ sông khu vực tượng đài chiến thắng sông Lô và cầu Đoan Hùng	2141 ngày 9/8/2012; 518 ngày 28/3/2013	68 275	64 736	1 800	UBND huyện Đoan Hùng
-	Đường giao thông kết hợp di dời dân tránh lũ quét thuộc các xã phía Tây Nam, huyện Đoan Hùng	3317/QĐ-UBND - 21/10/11	128 195	71 977	7 000	UBND huyện Đoan Hùng
*	Huyện Phù Ninh		95 976	91 898	2 030	
-	Nâng cấp, cải tạo đường tỉnh 323C, huyện Phù Ninh (đoạn quốc lộ 2 - đê hữu sông Lô)	1797 ngày 17/07/2013	69 292	69 262	30	UBND huyện Phù Ninh
-	Cải tạo, nâng cấp đường liên xã Bảo Thanh - Hạ Giáp, huyện Phù Ninh	2545/QĐ-UBND 23/10/2014	26 684	22 636	2 000	UBND huyện Phù Ninh
*	Huyện Thanh Ba		42 871	41 870	200	

STT	Tên, danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Lũy kế vốn đã bố trí đến hết 31/12/2018	Kế hoạch 2019	Ghi chú (Chủ đầu tư)
		Số quyết định, ngày tháng năm	TMDT, QT*			
-	Đường đến trung tâm xã Vân Lĩnh, huyện Thanh Ba	2005/QĐ-UBND 14/7/2011; 2157/QĐ-UBND 01/8/2011	42 871	41 870	200	UBND huyện Thanh Ba
*	Huyện Thanh Sơn		189 205	137 964	5 950	UBND huyện Thanh Sơn
-	Cải tạo, nâng cấp đường nội thị thị trấn Thanh Sơn (đoạn từ nghĩa trang liệt sỹ đi cây xăng khu 19 -5)	3501/QĐ-UBND 10/10/2017	4 815	2 000	2 000	
-	Đường giao thông liên xã (đoạn từ xóm Mít đi xóm Nưa xã Tân Lập nối xã Tân Minh), huyện Thanh Sơn	2783 31/10/2013	29 026	26 000	2 000	
-	Cải tạo, nâng cấp đường huyện Thanh Sơn (TL 316-Tập Lập-Yên Lương-Yên Sơn) huyện Thanh Sơn	2816, 03/10/2008	139 964	109 964	1 500	
-	Sân nền, cổng tường rào, nhà kho kiêm phòng trực, quản lý học sinh, hạ tầng sân vườn Trường PT dân tộc nội trú Thanh Sơn		15 400	14 950	450	Trường PT dân tộc nội trú Thanh Sơn
*	Huyện Thanh Thủy		2 277	0	450	UBND huyện Thanh Thủy
-	Cải tạo, nâng cấp hệ thống chiếu sáng công cộng nối từ ĐT317 vào đền Lăng Suong	3277 ngày 31/12/2014	2 277		450	
*	Huyện Yên Lập		58 480	54 400	3 000	UBND huyện Yên Lập
-	Sân vận động huyện Yên Lập	432 ngày 19/2/2013	19 709	17 135	2 000	
-	Cải tạo, nâng cấp đường Xuân An - Mỹ Lung, huyện Yên Lập (giai đoạn I: từ Km0-Km8+851)	675/QĐ-UBND 06/4/2015	35 133	34 165	500	Đối ứng dự án ODA
-	Nhà công vụ và các hạng mục phụ trợ thuộc Dự án đầu tư xây dựng: Trung tâm dạy nghề huyện Yên Lập tỉnh Phú Thọ	2599/QĐ-UBND 05/10/2017	3 638	3 100	500	Trung tâm GDNN-GDTX huyện Yên Lập
*	Thành phố Việt Trì		449 999	413 695	6 350	UBND TP Việt Trì
-	Sửa chữa đường Châu Phong (đoạn A8-D8), thành phố Việt Trì	8650/QĐ-UBND 28/10/2016; 3589/QĐ-UBND 20/11/2018	26 734	22 500	2 000	
-	Sân chính Quảng trường Hùng Vương	3695/QĐ-UBND 30/12/2016	50 092	43 468	500	
-	Đường Trường Chinh (đoạn từ nút giao Quốc lộ 2 đến đê Sông Lô) thành phố Việt Trì	3026/QĐ-UBND 28/9/2011; 2018/QĐ-UBND 12/12/2012; 2861/QĐ-UBND 21/4/2014; 8867/QĐ-UBND 26/9/2017	373 173	347 727	3 850	
*	Thị xã Phú Thọ		14 893	9 200	4 000	UBND thị xã Phú Thọ
-	Nâng cấp, cải tạo đường GTNT tuyến đồng Môm Mác đi Đồng Chĩnh xã Văn Lung, thị xã Phú Thọ	1440/QĐ-UBND ngày 21/10/2013	14 893	9 200	4 000	
2	Công trình, dự án chuyển tiếp		1 496 199	573 464	200 378	
a	Các sở, ban, ngành		787 262	296 145	98 978	
*	Ban Quản lý các Khu công nghiệp		11 398	0	1 000	
-	Tuyển muaung thoát nước từ lòng đồng xã Thượng Nông kết nối với mương thoát nước KCN Trung Hà	1591/QĐ-UBND 03/7/2018	1 098		500	Ban Quản lý KCN
-	Sửa chữa, thấm mặt đường tuyến D6-1A Khu công nghiệp Thụy Vân		10 300		500	Ban Quản lý KCN
*	Sở Giao thông Vận tải		426 425	165 460	28 500	Sở Giao thông vận tải
-	Dự án sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tỉnh lộ 314 đoạn Thanh Ba-Hương Xá	QĐ số 2246/QĐ-UBND ngày 23/9/2014	289 897	141 460	5 000	

STT	Tên, danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Lũy kế vốn đã bố trí đến hết 31/12/2018	Kế hoạch 2019	Ghi chú (Chủ đầu tư)
		Số quyết định, ngày tháng năm	TMĐT, QT*			
-	Sửa chữa đường tỉnh 313D đoạn km3+000 và km7+800, km11+900, km12+900	1343/QĐ-UBND 08/6/2018	10 794	5 000	1 500	
-	Sửa chữa, cải tạo nâng cấp ĐT313C đoạn Hương Lung - Văn Khúc, huyện Cẩm Khê	2333/QĐ-UBND 11/9/2017	52 981	6 000	3 000	
-	Đường nối từ đường dẫn cầu Đồng Quang vào Cụm công nghiệp Hoàng Xá, huyện Thanh Thủy	2851/QĐ-UBND, 28/10/2016	31 253	13 000	2 000	
-	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường nối từ nút giao IC9 đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai đến đường Hồ Chí Minh, thị xã Phú Thọ	1236/QĐ-UBND 12/4/2018	41 500		17 000	
*	Sở Nông nghiệp và PTNT		4 200	1 500	3 500	Sở Nông nghiệp và PTNT
-	Sửa chữa, cải tạo trụ sở làm việc của Sở Nông nghiệp và PTNT	2010/QĐ-UBND 14/8/2018	4 200	1 500	500	
-	Dự án thành phần cải thiện nông nghiệp có tưới tỉnh Phú Thọ (WB7)				1 000	Đối ứng dự án ODA
-	Sửa chữa và nâng cao an toàn đập tỉnh Phú Thọ (WB8)				2 000	Đối ứng dự án ODA
*	Ngành giáo dục và đào tạo		191 456	74 105	30 500	
-	Trường THPT Phương Xá	2811/QĐ-UBND, 28/10/2016	7 493	1 900	1 500	THPT Phương Xá
-	Trung tâm GDTX tỉnh	1322, ngày 14/5/2010	37 572	18 103	1 500	Trung tâm GDTX tỉnh
-	Cải tạo, nâng cấp nhà xưởng thực hành Trường Cao đẳng nghề Phú Thọ	4836 ngày 25/10/2016	14 500	7 000	3 000	Trường Cao đẳng nghề Phú Thọ
-	Sàn nền cục bộ Trường Cao đẳng nghề Phú Thọ				2 000	Trường Cao đẳng nghề Phú Thọ
-	Cải tạo, sửa chữa khu nhà làm việc, hội trường, công trường và các nhà lớp học tại khu trụ sở chính của Trường Cao đẳng Kinh tế và Kỹ nghệ thực hành	2886/QĐ-UBND ngày 31/10/2017; 1200/QĐ-UBND 28/5/2018	4 782	2 300	1 000	Trường Cao đẳng Kinh tế và Kỹ nghệ thực hành
-	Nhà lớp học bộ môn 3 tầng 6 phòng học, công trình vệ sinh, sửa chữa nhà lớp học - Trường THPT Lương Sơn	572/QĐ-UBND, 31/3/2016	7 881	2 900	1 500	Trường THPT Lương Sơn
-	Nhà lớp học bộ môn và nhà chức năng 3 tầng	586/QĐ-UBND ngày 16/03/2016	7 177	3 450	1 500	THPT CN Việt Trì
-	Nhà lớp học và phòng chức năng Trường THPT Kỹ thuật Việt Trì	824/QĐ-UBND ngày 14/4/2017	7 200	1 840	2 000	THPT Kỹ thuật Việt Trì
-	Nhà Lớp học bộ môn 2 tầng 4 phòng- Trường THPT Trung Nghĩa	4756, ngày 22/10/2018	4 600		2 500	Trường THPT Trung Nghĩa
-	Cải tạo, sửa chữa Nhà lớp học 3 tầng 18 phòng học (Nhà A1) Trường THPT Việt Trì	2810/QĐ-UBND 29/10/2018	4 761		1 500	Trường THPT Việt Trì
-	Nhà lớp học và phòng học bộ môn 3 tầng - Trường THPT Văn Miếu	825/QĐ-UBND ngày 14/4/2017	7 425	1 600	1 800	THPT Văn Miếu
-	Nhà công vụ giáo viên - Trường THPT Văn Miếu	2876, ngày 31/10/2017	2 133		500	THPT Văn Miếu
-	Nhà lớp học bộ môn 3 tầng 6 phòng học Trường THPT Hưng Hóa	2847/QĐ-UBND, ngày 31/10/2018	6 941	250	1 000	Đối ứng dự án ODA
-	Nhà lớp học bộ môn Trường THPT Quế Lâm	2873/QĐ-UBND ngày 31/10/2017	5 272	1 000	3 000	THPT Quế Lâm
-	Trường THPT Thanh Sơn	2342 ngày 20/7/2011	43 980	22 152	1 100	THPT Thanh Sơn

STT	Tên, danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Lũy kế vốn đã bố trí đến hết 31/12/2018	Kế hoạch 2019	Ghi chú (Chủ đầu tư)
		Số quyết định, ngày tháng năm	TMDT, QT*			
-	Trường THPT Thanh Thủy	1169 ngày 20/8/2016	8 397	6 190	600	THPT Thanh Thủy
-	Nhà lớp học bộ môn 3 tầng 6 phòng	588/QĐ-UBND ngày 17/3/2016	7 987	3 620	1 000	THPT Đoàn Hùng
-	Nhà lớp học 3 tầng 12 phòng học - Trường THPT Hưng Hóa	2652, 30/10/2015	6 454		1 500	THPT Hưng Hóa
-	Nhà lớp học bộ môn 2 tầng Trường THPT Hiền Đa		6 900	1 800	2 000	Trường THPT Hiền Đa
*	Sở, ngành khác		153 784	55 080	35 478	
-	Trung tâm hành chính công và điều hành đô thị thông minh	1462 ngày 23/6/2017	40 000	17 000	6 000	Văn phòng UBND tỉnh
-	Trường Cao đẳng Y tế				1 000	Trường Cao đẳng Y tế
-	Trung tâm phát triển quỹ đất và văn phòng đăng ký đất đai	724 ngày 30/3/2016	19 539	9 900	2 000	Sở Tài nguyên và Môi trường
-	Xây dựng cơ sở dữ liệu môi trường tỉnh Phú Thọ	4167/QĐ-UBND ngày 20/9/2017	1 826	1 000	626	Trung tâm công nghệ thông tin-Sở Tài nguyên và Môi trường
-	Cải tạo, nâng cấp Trụ sở làm việc của Liên hiệp các hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh	2108/QĐ-UBND, 24/8/2016	2 881	1 600	852	Liên hiệp các hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh
-	Dự án đầu tư xây dựng công trình Trung tâm ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ (trại thực nghiệm)	3656/QĐ-UBND, 11/11/2010; 494/QĐ-UBND, 10/3/2016	30 745	9 155	1 000	Sở Khoa học và Công nghệ
-	Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp Thư viện tỉnh Phú Thọ	2649/QĐ-UBND, 30/10/2014	20 657	9 725	2 000	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
-	Cải tạo nhà lớp học và thư viện Trường Trung cấp Văn hóa, nghệ thuật và Du lịch Phú Thọ	2118/QĐ-UBND 21/8/2017	2 769		1 500	Trường Trung cấp Văn hóa, nghệ thuật và Du lịch Phú Thọ
-	Nhà văn hóa nghệ thuật tỉnh				10 000	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
-	Cải tạo, sửa chữa nhà làm việc sở Giáo dục và Đào tạo	4798/UBND-KGVX ngày 24/10/2017	9 000	4 100	2 000	Sở Giáo dục và Đào tạo
-	Cải tạo, nâng cấp Trụ sở Tỉnh đoàn	2844/QĐ-UBND 31/10/2018	9 905	200	2 000	Tỉnh đoàn Phú Thọ
-	Cải tạo, sửa chữa Nhà lớp học 3 tầng, cổng chính, hàng rào trước - Trung tâm Kỹ thuật tổng hợp - Hướng nghiệp tỉnh	4755, ngày 22/10/2018	5 000	200	2 000	Trung tâm KTTH-HN
-	Cải tạo và nâng cấp Trụ sở làm việc Sở Xây dựng Phú Thọ		6 999	200	2 000	Sở Xây dựng
-	Xưởng thực hành (trước mắt làm ký túc xá) - Trường trung cấp nghề nội trú Phú Thọ	2888/QĐ-UBND 31/10/2017	4 463	2 000	2 500	Trường Trung cấp nghề nội trú Phú Thọ
b	Các huyện, thành, thị		640 252	253 869	89 400	
*	Huyện Cẩm Khê		42 432	4 200	9 000	
-	Cải tạo, nâng cấp đường tránh thị trấn Sông Thao, đoạn từ Bưu điện đi bến xe và đoạn từ ngã ba Thủy nông qua bến xe đi Quốc lộ 32	2283/QĐ-UBND 13/10/2016	14 995	3 000	4 000	
-	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông xã Đồng Cam, huyện Cẩm Khê kết nối với Tỉnh lộ 321C	3187/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	12 500	200	3 000	
-	Cải tạo, nâng cấp đường huyện tuyến Tiên Lương - Phượng Vỹ, huyện Cẩm Khê	3415/QĐ-UBND ngày 30/12/2016	14 937	1 000	2 000	
*	Huyện Đoàn Hùng		45 580	15 854	14 000	
-	Cải tạo, nâng cấp nhà làm việc UBND huyện Đoàn Hùng	2831/QĐ-UBND, 31/10/2016	18 300	14 854	2 000	UBND huyện Đoàn Hùng

STT	Tên, danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Lũy kế vốn đã bố trí đến hết 31/12/2018	Kế hoạch 2019	Ghi chú (Chủ đầu tư)
		Số quyết định, ngày tháng năm	TMBĐT, QT*			
-	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ TL322 (Km3+650) đi Đông Khê, huyện Đuan Hùng	2653/QĐ-UBND, 31/10/2018	14 980	500	6 000	UBND huyện Đuan Hùng
-	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường GTNT từ Tỉnh lộ 323 đi Tỉnh lộ 318 xã Hùng Long	2654/QĐ-UBND, 31/10/2018	12 300	500	6 000	UBND huyện Đuan Hùng
*	Huyện Hạ Hòa		63 811	17 623	2 000	
-	Tuyến đường từ trung tâm xã Xuân Áng qua khu vực hồ Hàm Kỳ đến khu dân cư số 11, xã Xuân Áng, huyện Hạ Hòa	2601/QĐ-UBND ngày 29/10/2014; 57/QĐ-UBND ngày 15/01/2015	21 909	15 623	1 000	
-	Nâng cấp, cải tạo đường giao thông liên xã Đan Hà-Đại Phạm, huyện Hạ Hòa	2790, ngày 25/10/2017	41 902	2 000	1 000	
*	Huyện Lâm Thao		29 450	21 500	3 000	
-	Xây dựng Trung tâm Văn hóa Thể thao huyện (HM: Nhà thi đấu và luyện tập đa năng; sân vườn, đường BT nội bộ)	Số 870/QĐ-UBND ngày 24/6/2014; 3266/QĐ-UBND 05/10/2017	29 450	21 500	3 000	BQL dự án đầu tư xây dựng huyện
*	Huyện Phù Ninh		119 659	24 509	29 500	
-	Cải tạo, nâng cấp đường huyện P3 và các tuyến nhánh huyện Phù Ninh	2680/QĐ-UBND ngày 20/8/2018	30 000	500	5 000	UBND huyện Phù Ninh
-	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thị trấn Phong Châu (đoạn QL2 đi khu Đồng Giao)	2159a ngày 4/8/2016	11 949	6 949	1 500	UBND TT Phong Châu
-	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Liên Hoa, huyện Phù Ninh (đoạn HLP5 Km10+300-TL323E Km3+364) đập bờ lớn đi đê Hốc Kết	3349a/QĐ-UBND 24/10/2017	14 984	5 000	4 000	UBND huyện Phù Ninh
-	Cải tạo nâng cấp đường GTNT xã Trị Quận (đoạn từ đường huyện P2 đi đường tỉnh 323D) huyện Phù Ninh	2231/QĐ-UBND, 18/7/18	14 783	1 000	6 000	UBND huyện Phù Ninh
-	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông thị trấn Phong Châu, huyện Phù Ninh (đoạn từ QL2 đi Khu 1 Hồ He)	3225/QĐ-UBND 22/10/2018	10 560	6 060	5 000	UBND TT Phong Châu
-	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Phú Lộc (đoạn Khu 4 đi cụm công nghiệp Phú Gia) huyện Phù Ninh	2321/QĐ-UBND, 2/8/18	14 820	1 000	6 000	UBND huyện Phù Ninh
-	Cải tạo, nâng cấp trụ sở làm việc UBND huyện Phù Ninh	1511/QĐ-UBND, 25/6/2018	22 563	4 000	2 000	UBND huyện Phù Ninh
*	Huyện Tam Nông		84 217	22 546	14 900	
-	Nâng cấp tuyến đường Hương Nộn-Thọ Văn -QL32, huyện Tam Nông	1677/QĐ-UBND, 11/7/2016	32 613	6 140	5 000	
-	Xây dựng hệ thống vỉa hè, cây xanh, điện chiếu sáng đoạn qua thị trấn Hưng Hóa và đoạn từ dốc chùa Hương Nộn đến ngã tư Cỏ Tiết	1426, 16/6/2016; 2278/QĐ-UBND, 09/9/2016	22 154	7 945	2 000	
-	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường huyện ĐH73C đoạn nối từ đường tỉnh 315 đi đường Hồ Chí Minh, thuộc địa phận xã Hương Nộn huyện Tam Nông				3 000	
-	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường huyện ĐH80 thuộc địa phận xã Hồng Đà, huyện Tam Nông		14 500		2 900	
-	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông đến trung tâm xã Văn Lương, huyện Tam Nông (Lý trình Km0+00-Km3+00m)	1764/QĐ-UBND, 31/10/12	14 950	8 461	2 000	

STT	Tên, danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Lũy kế vốn đã bố trí đến hết 31/12/2018	Kế hoạch 2019	Ghi chú (Chủ đầu tư)
		Số quyết định, ngày tháng năm	TMDT, QT*			
*	Huyện Yên Lập		31 285	3 000	1 000	
-	Tuyến đường từ trung tâm xã đến trấn Đồng Mãng, xã Trung Sơn, huyện Yên Lập	1989/QĐ-UBND ngày 15/8/2016	31 285	3 000	1 000	
*	Thành phố Việt Trì		180 346	144 637	3 000	
-	Đường Thụy Vân - Thanh Đình - Chu Hóa, thành phố Việt Trì (đối với phần khối lượng xây dựng hoàn chỉnh nền đường, mặt đường, hệ thống thoát nước)	3001/QĐ-UBND 9/11/2017	180 346	144 637	3 000	
*	Huyện Thanh Ba		31 904	0	12 000	
-	Tuyến đường vào cụm công nghiệp Bãi Ba - Đông Thành, huyện Thanh Ba	2779/QĐ-UBND 26/10/2018	31 904		12 000	
*	Thị xã Phú Thọ		68 684	23 450	12 000	
-	Trường MN trung tâm xã Hà Thạch	2665/QĐ-UBND ngày 30/10/14	23 270	15 450	1 000	
-	Khắc phục hệ thống thoát nước khu vực nội thị tuyến Nguyễn Du - Phú An - Phú Hà - Phú Bình, thị xã Phú Thọ	3114/QĐ-UBND ngày 16/10/2017	12 400	2 000	8 000	
-	Kè xử lý sạt lở bờ tả sông Thao đoạn Km58+550 đến Km59+247, xã Thanh Minh, thị xã Phú Thọ	630/QĐ-UBND ngày 19/3/2014	33 014	6 000	3 000	
*	Huyện Thanh Sơn		11 568	0	1 000	
-	Cải tạo, nâng cấp đường từ cầu 30/4 đi Soi Cá xã Sơn Hùng	3722a 27/10/2017	11 568		1 000	UBND huyện Thanh Sơn
3	Công trình, dự án khởi công mới		15 032	0	7 000	
(1)	Nâng cấp trung tâm dữ liệu số tỉnh Phú Thọ giai đoạn 1		5 532		2 000	Sở Thông tin và Truyền thông
(2)	Trường phổ thông dân tộc nội trú Yên Lập		9 500		5 000	Trường phổ thông dân tộc nội trú Yên Lập
II	Hỗ trợ lồng ghép với nguồn ngân sách địa phương để thanh toán nợ đọng XDCB các dự án, công trình giao thông nông thôn, thủy lợi nội đồng, trạm y tế, trường học đạt chuẩn và nông thôn mới		1 039 578	289 514	286 725	
*	Huyện Cẩm Khê		80 886	22 223	28 800	
-	Nhà lớp học 2 tầng 8 phòng học Trường THCS Sai Nga	2622/QĐ-UBND ngày 29/10/2015	4 595	1 900	1 000	UBND huyện Cẩm Khê
-	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông xã Cấp Dẫn tuyến từ Huyện lộ đi xóm Tân Lập và đi khu 6	2068/QĐ-UBND ngày 11/9/2012	4 537	400	3 300	UBND huyện Cẩm Khê
-	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT đến trung tâm xã Phú Khê, huyện Cẩm Khê	2624/QĐ-UBND ngày 29/10/2015	14 734	3 000	5 100	UBND huyện Cẩm Khê
-	Nhà lớp học kiêm phòng chức năng và phòng bộ môn trường THCS Cát Trù	3191/QĐ-UBND 30/10/2018	4 500		1 500	UBND huyện Cẩm Khê
-	Nhà lớp học kiêm phòng chức năng Trường Mầm non Cát Trù, huyện Cẩm Khê	2527/QĐ-UBND ngày 31/10/2016	4 899	2 250	1 500	UBND huyện Cẩm Khê
-	Trường mầm non Yên Tập huyện Cẩm Khê	1044/QĐ-UBND 16/5/2018	3 843	2 880	500	UBND huyện Cẩm Khê
-	Trường mầm non Tạ Xá huyện Cẩm Khê	673/QĐ-UBND 14/4/2017	2 803	2 500	300	UBND huyện Cẩm Khê
-	Nhà điều hành Trường Tiểu học Phương Xá, xã Phương Xá, huyện Cẩm Khê	20/QĐ-UBND ngày 19/9/2012	880		700	UBND xã Phương Xá

STT	Tên, danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Lũy kế vốn đã bố trí đến hết 31/12/2018	Kế hoạch 2019	Ghi chú (Chủ đầu tư)
		Số quyết định, ngày tháng năm	TMĐT, QT*			
-	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông liên xã Cát Trù đi Yên Dương, huyện Cẩm Khê	1443/QĐ-UBND ngày 14/7/2017	3 080	1 170	1 000	UBND huyện Cẩm Khê
-	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường giao thông từ tỉnh lộ 313 nối với đường liên xã Hương Lung - Sơn Tinh - Cấp Dẫn huyện Cẩm Khê	3188/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	7 600		3 900	UBND huyện Cẩm Khê
-	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông liên xã Cấp Dẫn - Hương Lung, huyện Cẩm Khê	2898/QĐ-UBND 04/12/2015	12 949	6 553	5 000	UBND huyện Cẩm Khê
-	Cải tạo nâng cấp tuyến đường giao thông từ Tỉnh lộ 313E đi trung tâm xã Tạ Xá, huyện Cẩm Khê	3189/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	8 200		3 000	UBND huyện Cẩm Khê
-	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường giao thông Tuy Lộc - Ngô Xá - Phượng Vỹ huyện Cẩm Khê	472/QĐ-UBND 22/8/2017	8 266	1 570	2 000	UBND huyện Cẩm Khê
			47 182	5 957	14 650	
*	Huyện Đoan Hùng					
-	Hỗ trợ xây dựng Khu tập kết rác thải tập trung trên địa bàn huyện Đoan Hùng	3646/QĐ-UBND 27/10/2017	7 183	4 800	1 500	UBND huyện Đoan Hùng
-	Cải tạo, nâng cấp Đường Giao thông đến Khu lưu niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh, xã Yên Kiện	2157/QĐ-UBND 18/10/2017	3 210		1 000	UBND huyện Đoan Hùng
-	Hội trường Huyện ủy Đoan Hùng	2655/QĐ-UBND, 31/10/18	8 300		3 000	Văn phòng Huyện ủy Đoan Hùng
-	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn 2 xã Bằng Doãn	2656/QĐ-UBND, 31/10/18	4 054		2 000	UBND huyện Đoan Hùng
-	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn 5 xã Bằng Doãn đi Phúc Lai	2657/QĐ-UBND, 31/10/18	4 613		2 000	UBND huyện Đoan Hùng
-	Cải tạo, sửa chữa nhà làm việc UBND xã Bằng Luân	2658/QĐ-UBND, 31/10/18	4 500		2 500	UBND xã Bằng Luân
-	Trường Mầm non Tiêu Sơn, huyện Đoan Hùng	2659/QĐ-UBND, 31/10/18	13 500		2 000	UBND huyện Đoan Hùng
-	Cải tạo nâng cấp đường BTXM thôn 5 xã Nghinh Xuyên (2016)	853/QĐ-UBND, 29/3/2016	1 822	1 157	650	UBND xã Bằng Luân
			158 834	63 218	37 400	
*	Huyện Lâm Thao					
-	Nâng cấp cải tạo Trạm y tế thị trấn Lâm Thao và các hạng mục phụ trợ	1694 ngày 29/5/2017	5 194	3 521	1 100	UBND TT Lâm Thao
-	Nhà lớp học, nhà điều hành, bếp ăn Trường tiểu học xã Cao Xá	732 ngày 04/6/2014	11 737	3 000	1 000	UBND xã Cao Xá
-	Xây dựng hệ thống thoát nước thải, nước mặt và hồ điều hòa Cụm công nghiệp huyện Lâm Thao	1818/QĐ-UBND 17/11/2015	9 795	5 935	1 000	UBND huyện Lâm Thao (Đại diện: Trung tâm phát triển cụm CN huyện)
-	Cải tạo, nâng cấp NLH 2 tầng 10 phòng Trường mầm non Liên cơ, thị trấn Lâm Thao	số 3396, ngày 30/10/2017	8 284	1 953	3 500	UBND TT Lâm Thao
-	Cải tạo trụ sở làm việc phòng Giáo dục, Phòng Y tế, Trung tâm phát triển cụm công nghiệp huyện Lâm Thao	số 2014, ngày 19/6/2018	1 498	300	1 000	TT phát triển cụm công nghiệp huyện
-	Nhà đa năng bán trú Trường Tiểu học Sơn Vi		4 371	3 284	1 000	UBND xã Sơn Vi
-	Hỗ trợ xây dựng Khu tập kết rác thải tập trung trên địa bàn huyện Lâm Thao	666/QĐ-UBND 12/2/2018; 1378/QĐ-UBND 11/4/2018	11 182	8 000	1 600	UBND huyện Lâm Thao (Đại diện: Ban quản lý các công trình công cộng)
-	Nhà điều hành + lớp học trường tiểu học Tứ Xã 2	09/QĐ-UBND 05/01/2015	3 747	2 200	1 000	UBND xã tứ xã
-	Nhà điều hành kiêm lớp học trường MN Cao Xá (phần hiệu 1)	2202/QĐ-UBND 24/10/2012	4 413	1 860	1 000	UBND xã Cao Xá
-	Nhà lớp học 2 tầng, 5 phòng Trường MN Cao Xá 2	1246/QĐ-UBND 30/8/2013	5 394	2 170	2 000	UBND xã Cao Xá

STT	Tên, danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Lũy kế vốn đã bố trí đến hết 31/12/2018	Kế hoạch 2019	Ghi chú (Chủ đầu tư)
		Số quyết định/ngày tháng năm	KHĐT, QT*			
-	Đường GTNT kết hợp kênh tưới Cánh đồng mẫu lớn (tuyến số 06) xã Cao Xá - huyện Lâm Thao	1087/QĐ-UBND 13/08/2013	3 915	2 398	1 000	UBND xã Cao Xá
-	Nhà lớp học 3 tầng và các hạng mục phụ trợ Trường THCS Cao Mai, thị trấn Lâm Thao	1948/QĐ-UBND 05/7/2018	8 328	3 860	2 000	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện
-	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ cầu chui dân sinh đến ngã tư Đồng Rồ xã Thạch Sơn. Hạng mục (Tuyến số 1): Đường giao thông từ cầu chui dân sinh đến ngã tư nhà ông Thi, xã Thạch Sơn	3232/QĐ-UBND 29/9/2017	6 744	2 000	3 000	Ban quản lý các công trình công cộng
-	Cải tạo nâng cấp đường GTNT xã Sơn Vi (hạng mục tuyến từ UBND xã Sơn Vi đi nhà Lãng; tuyến từ tỉnh lộ 324 đi nhà Thờ)	số 3196, ngày 28/9/2017	4 897	3 000	2 000	UBND xã Sơn Vi
-	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT tuyến từ Đình nội đi nhà ông Sinh (khu 1), từ cổng sùng đi nhà ông Lại Chính (khu 5) xã Sơn Vi	3271/QĐ-UBND 06/10/2017	1 599	750	700	UBND xã Sơn Vi
-	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT đoạn từ Ngã ba (khu 7) đi đập Nhà Nhen, xã Tiên Kiên	3275/QĐ-UBND 11/10/2017	6 590	1 000	2 000	UBND xã Tiên Kiên
-	Nhà lớp học 3 tầng 12 phòng học Trường THCS Thạch Sơn	số 2230, ngày 15/9/2017	7 787	2 000	1 500	UBND xã Thạch Sơn
-	Nhà lớp học 2 tầng 10 phòng học Trường Mầm non Tiên Kiên	QĐ BCKTKT số 3294, ngày 11/10/2017; KHĐT số 3313, ngày 13/10/2017	8 324	1 000	1 000	UBND xã Tiên Kiên
-	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ QL32C đi trung tâm xã Thạch Sơn	Số: 1726, ngày 30/9/2015	10 907	5 853	1 500	UBND xã Thạch Sơn
-	Sửa chữa, cải tạo nhà trụ sở làm việc 3 tầng UBND huyện Lâm Thao. Hạng mục: nhà 3 tầng trụ sở cơ quan HĐND và UBND huyện	số 860, ngày 10/6/2014; số 393, ngày 13/5/2015	6 829	2 704	1 000	UBND huyện Lâm Thao (Đại diện: BQL dự án khối văn phòng)
-	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông liên khu từ ngã tư Phương Lai 6 vào khu Ngọc Tinh, thị trấn Lâm Thao	1709 ngày 30/5/2017	9 321	2 930	2 000	UBND TT Lâm Thao
-	Nhà lớp học 4 phòng, Trường tiểu học Sơn Vi, huyện Lâm Thao	số 3379/QĐ-UBND 26/10/2017	3 285	1 500	2 000	UBND xã Sơn Vi
-	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nội đồng tuyến từ TL324 đi trạm bơm Đồng Chùm, Đồng Thông, Nhà Mưa; từ TL324 đi ven Thùỵ sản; từ Nhà Xây đi Cây Duối, xã Sơn Vi	số 3130/QĐ-UBND 15/8/2017	9 500	1 000	1 000	UBND xã Sơn Vi
-	Cải tạo, nâng cấp kênh tiêu từ kênh Diên Hồng ra ngòi tiêu từ Hà Thạch ra Vĩnh Mộ, xã Thạch Sơn	số 2126/QĐ-UBND ngày 20/7/2018	5 192	1 000	2 500	UBND xã Thạch Sơn
*	Huyện Phù Ninh		147 283	41 289	33 600	
-	Trường Trung học cơ sở Lê Mỹ, huyện Phù Ninh	622 ngày 28/3/2016	14 444	10 780	1 800	UBND huyện Phù Ninh
-	Đường từ QL 2 đi khu 6 thị trấn Phong Châu, huyện Phù Ninh	2988/QĐ-UBND 24/9/2018	5 089	500	1 000	UBND TT Phong Châu
-	Nâng cấp, cải tạo đường GTNT xã Phú Mỹ, đoạn ngã ba Trầm Giếng khu 8 - Nhà văn hóa khu 9	3289/QĐ-UBND, 28/10/2006	6 399	2 548	3 000	UBND xã Phú Mỹ
-	Nhà lớp học kết hợp nhà điều hành 02 tầng; nhà lớp học kết hợp nhà ăn 02 tầng và các hạng mục phụ trợ trường mầm non Bình Bộ - xã Bình Bộ	1062/QĐ-UBND, 23/3/2018	12 310	5 000	1 500	UBND xã Bình Bộ

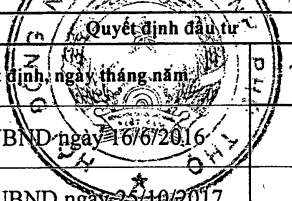
STT	Tên, danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Lũy kế vốn đã bố trí đến hết 31/12/2018	Kế hoạch 2019	Ghi chú (Chủ đầu tư)
		Số quyết định, ngày tháng năm	TMDT, QT*			
-	Đường GTNT xã Hạ Giáp, huyện Phù Ninh, đoạn từ đường Chiến thắng sông Lô - Đồng Chan	2219 ngày 11/9/2015	8 422	4 750	1 500	UBND xã Hạ Giáp
-	Cải tạo, nâng cấp tuyến kênh tiêu từ Công Kéo đến Năng Soi xã Lê Mỹ huyện Phù Ninh	2854/QĐ-UBND ngày 7/9/2018	4 500		1 500	UBND xã Lê Mỹ
-	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Trung Giáp (đoạn Cây Xi khu 2 đi khu 7)	2734/QĐ-UBND 29/8/2018	8 500		1 000	UBND xã Trung Giáp
-	Đường GTNT xã Bình Bộ, đoạn từ khu 8 đi tỉnh lộ 323C	3158 ngày 13/10/2017	7 161	1 000	1 500	UBND xã Bình Bộ
-	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Gia Thanh đoạn từ HLP2-HLP5 xã Gia Thanh đoạn Km00-km1+562,57	3006 ngày 16/10/2013	8 165	2 044	1 000	UBND xã Gia Thanh
-	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Phù Ninh đoạn Đường tỉnh 323C khu 13 đi trung tâm xã	3223/QĐ-UBND,22/10/2018	4 984		1 500	UBND xã Phù Ninh
-	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Tiên Phú đoạn HLP3 Khu 6 đi Nhà văn hóa khu 2	2851/QĐ-UBND ngày 7/9/2018	5 452		2 500	UBND xã Tiên Phú
-	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Phù Ninh đoạn kho mìn khu 10 đi Sân vận động công ty Giấy	2852/QĐ-UBND ngày 7/9/2018	10 050		3 000	UBND huyện Phù Ninh
-	Cải tạo, nâng cấp UBND xã Trị Quận	3305/QĐ-UBND 29/10/2018	5 000		1 000	UBND huyện Phù Ninh
-	Nhà chức năng, lớp học 2 tầng 8 phòng trường mầm non Trị Quận	2678/QĐ-UBND 17/8/2018	6 000		1 000	UBND huyện Phù Ninh
-	Nhà chức năng, lớp học 2 tầng 8 phòng trường Tiểu học xã Trị Quận	2679/QĐ-UBND 17/8/2018	5 000		1 000	UBND huyện Phù Ninh
-	Trung tâm học tập cộng đồng kiêm hội trường UBND xã Lê Mỹ	3349b ngày 24/10/2017	3 354	1 400	2 100	UBND xã Lê Mỹ
-	Nhà lớp học Trường tiểu học Lê Mỹ	3111/QĐ-UBND ngày 9/10/2018	4 500		2 200	UBND xã Lê Mỹ
-	Nhà lớp học và phòng chức năng Trường tiểu học xã Từ Đà	3444a/QĐ-UBND 31/10/2017	4 439	2 000	1 000	UBND xã Từ Đà
-	Đường GTNT nội đồng xã Hạ Giáp, huyện Phù Ninh (đoạn từ trạm bơm Lán Ranh đi ao Sen)	3078/QĐ-UBND ngày 06/10/2016	9 703	7 809	1 000	UBND xã Hạ Giáp
-	Cải tạo, nâng cấp tuyến kênh tưới tiêu từ Ao Sen đi cầu Ba Ngá xã Hạ Giáp, huyện Phù Ninh	1240/QĐ-UBND, 01/6/2017	3 895		1 000	UBND xã Hạ Giáp
-	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường giao thông từ công UBND xã đi Chùa Thông	1208a/QĐ-UBND 12/6/2014	4 916	3 458	1 000	UBND xã Bình Bộ
-	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Phú Lộc tuyến từ trung tâm khu 2 đi Trung tâm y tế huyện Phù Ninh	2853/QĐ-UBND ngày 7/9/2018	5 000		1 500	UBND xã Phú Lộc
			61 402	6 000	20 500	
*	Huyện Tam Nông					
-	Nhà điều hành Trường THCS Hiền Quan	4779b ngày 10/10/2016	2 950		500	UBND huyện Tam Nông
-	Nhà lớp học trường mầm non Xuân Quang	2813 ngày 25/8/2017	4 399		1 000	UBND xã Xuân Quang
-	Cải tạo, sửa chữa Nhà làm việc 2 tầng - trụ sở làm việc Đảng ủy - HĐND - UBND xã Hương Nha, huyện Tam Nông		3 128		1 000	UBND xã Hương Nha
-	Nhà lớp học 2 tầng 6 phòng Trường mầm non xã Hùng Đô	2788 ngày 20/6/2016	4 427		2 000	UBND huyện Tam Nông
-	Nhà điều hành trường tiểu học Hưng Hóa		4 300		1 000	UBND thị trấn Hưng Hóa
-	Cải tạo, nâng cấp sửa chữa các tuyến đường GTNT xã Vực Trường, huyện Tam Nông	4393 ngày 25/10/2017	10 758	2 000	4 000	UBND huyện Tam Nông

STT	Tên, danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Lũy kế vốn đã bỏ trí đến hết 31/12/2018	Kế hoạch 2019	Ghi chú (Chủ đầu tư)
		Số quyết định, ngày, tháng, năm	TMĐT, QT*			
-	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông liên xã Vực Trường - Hiền Quan, huyện Tam Nông	4298/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	7 000		1 500	UBND huyện Tam Nông
-	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông đến trung tâm xã Hiền Quan, huyện Tam Nông (Đoạn từ ĐT315 đến UBND xã)	1265 ngày 14/3/2016	6 903	4 000	2 000	UBND huyện Tam Nông
-	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông liên xã Văn Lương - Xuân Quang đoạn từ khu 7 xã Văn Lương đi đường Hồ Chí Minh	2745/QĐ-UBND ngày 27/10/2016	4 386		2 000	UBND huyện Tam Nông
-	Đường giao thông liên xã Thanh Uyên - Hương Nha, huyện Tam Nông	6769/QĐ-UBND 30/12/2016	5 685		1 500	UBND huyện Tam Nông
-	Đường giao thông khu 9 Tề Lễ	2847/QĐ-UBND 02/8/2017	3 516		2 000	UBND huyện Tam Nông
-	Nhà lớp học 2 tầng 4 phòng học trường Mầm non xã Hương Nộn		3 950		2 000	UBND xã Hương Nộn
*	Huyện Thanh Thủy		49 138	10 410	14 500	
-	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường GTNT xã Đào Xá, huyện Thanh Thủy		7 600		2 000	UBND huyện Thanh Thủy
-	Nhà điều hành 2 tầng và các hạng mục phụ trợ Trường mầm non Hòa My xã Đào Xá	Số 3388/QĐ-UBND ngày 27/10/2017	5 668	2 500	2 500	UBND huyện Thanh Thủy
-	Xây dựng Trường THCS Đào Xá, huyện Thanh Thủy	Số 2827/QĐ-UBND ngày 01/9/2017	11 380	7 910	3 000	UBND huyện Thanh Thủy
-	Kè chống sạt lở bờ, vớ sông Đà thuộc Khu 2, khu 3, khu 4 xã Bảo Yên, huyện Thanh Thủy	Số 778/UBND-KTN ngày 0/3/2018	14 990	0	5 000	UBND huyện Thanh Thủy
-	Nhà lớp học 8 phòng và nhà điều hành trường tiểu học Hoàng Xá 2		9 500		2 000	UBND xã Hoàng Xá, huyện Thanh Thủy
*	Huyện Thanh Ba		30 548	9 533	10 260	
-	Nhà lớp học bộ môn, nhà điều hành trường THCS xã Mạn Lạn, huyện Thanh Ba	1816/QĐ-UBND 23/8/2018	5 245	2 336	2 500	UBND xã Mạn Lạn
-	Nhà lớp học bộ môn 2 tầng 8 phòng Trường THCS Hanh Cù, huyện Thanh Ba	2086, ngày 24/9/2018	3 506		1 500	UBND xã Hanh Cù
-	Đường GTNT xã Ninh Dân, huyện Thanh Ba (Tuyến đong Thắng Cống đi Khu 7 đi Khu 12 - giai đoạn 2)	2274, ngày 19/10/2018	8 500		3 000	UBND huyện Thanh Ba
-	Kỳ đài sân vận động huyện Thanh Ba	4023/QĐ-UBND 12/4/2013	7 397	7 197	260	UBND huyện Thanh Ba
-	Sửa chữa, bảo trì tuyến đường Đỗ Sơn (huyện Thanh Ba) - Thanh Minh (thị xã Phú Thọ) đoạn tuyến từ khu 5 đi Cụm công nghiệp huyện Thanh Ba	2275, ngày 19/10/2018	5 900		3 000	UBND huyện Thanh Ba
*	Huyện Tân Sơn		63 817	20 034	17 170	
-	Đường vào Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện Tân Sơn	4245, 13/9/2018	12 880		4 000	UBND huyện Tân Sơn
-	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT khu Tân Trào, xã Minh Đài, huyện Tân Sơn	4703, 31/10/2018	6 250		2 000	UBND huyện Tân Sơn
-	Nhà lớp học 1 tầng 4 phòng Trường Mầm non Thu Cúc 2, huyện Tân Sơn	2296, 02/6/2017	6 997	2 880	1 830	UBND huyện Tân Sơn
-	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT đi khu Lóng, xã Thạch Kiệt	3279, 25/9/2017	9 600	6 100	500	UBND huyện Tân Sơn
-	Nhà lớp học 2 tầng 8 phòng trường THCS Thạch Kiệt	6747, 20/10/2016	4 974	3 500	500	UBND huyện Tân Sơn
-	Trụ sở Đảng ủy, UBND xã Tam Thanh	6787, 27/10/2016	4 938	1 938	1 000	UBND xã Tam Thanh

STT	Tên, danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Lũy kế vốn đã bố trí đến hết 31/12/2018	Kế hoạch 2019	Ghi chú (Chủ đầu tư)
		Số quyết định, ngày tháng năm	TMBĐT, QT*			
-	Trụ sở làm việc Đảng ủy, UBND xã Tân Sơn, huyện Tân Sơn	6703, 19/10/2016	4 630	2 700	1 000	UBND huyện Tân Sơn
-	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xóm Lấp, xã Xuân Sơn	62, 30/10/2017	2 245	600	1 300	UBND huyện Tân Sơn
-	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT từ QL 32A đi khu Suối Rôm, xã Thu Cúc	4702, 31/10/2018	4 950		2 500	UBND huyện Tân Sơn
-	Nhà lớp học 1 tầng 3 phòng Trường Mầm non Kiệt Sơn	2292, 01/06/2017	4 229	2 160	1 200	UBND huyện Tân Sơn
-	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Kiệt Sơn - Đoạn trung tâm xã đi xóm Dọc	3479, 18/10/2017	2 124	156	1 340	UBND huyện Tân Sơn
*	Huyện Thanh Sơn		37 944	3 000	11 840	
-	Trạm y tế xã Thục Luyện, huyện Thanh Sơn	3140; 27/10/2016	2 781	1 500	900	UBND huyện Thanh Sơn
-	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Văn Miếu (đoạn từ xóm Xè 2 đi xóm Thành Công)	1764b/QĐ-UBND 9/6/2017	8 210		3 440	UBND huyện Thanh Sơn
-	Xây dựng sân vận động huyện Thanh Sơn	3773, 30/10/2018	6 853	1 500	1 000	UBND huyện Thanh Sơn
-	Nhà lớp học + bếp + khuôn viên trường mầm non khu B xã Thục Luyện	3839, 30/10/2018	3 000		2 500	UBND huyện Thanh Sơn
-	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT xã Tân Lập nối xã Tân Minh, huyện Thanh Sơn. (Đoạn xóm Châm 2 xã Tân Lập, đi xóm Dón xã Tân Minh)	1959; 15/6/2018	14 600		3 000	UBND huyện Thanh Sơn
-	Đường GTNT xóm Vót đi xóm Bương xã Khả Cửu	3840, 30/10/2018	2 500		1 000	UBND huyện Thanh Sơn
*	Thị xã Phú Thọ		73 489	27 900	23 060	
-	Nâng cấp tuyến đường Ngô Quyền đoạn từ phường Trường Thịnh đi phường Thanh Vinh	3245/QĐ-UBND ngày 27/10/2017	4 300	1 500	3 700	UBND thị xã Phú Thọ
-	Hỗ trợ xây dựng hệ thống bờ bao (kết hợp đường giao thông) đảm bảo chống tràn hồ điều hòa xử lý nước thải tập trung thị xã Phú Thọ.	3175/QĐ-UBND ngày 24/10/2016	14 950	11 500	1 000	UBND thị xã Phú Thọ
-	Cải tạo nâng cấp đường Phú Liêm: đoạn tuyến từ ngã tư chợ phường đi trường tiểu học Trường Thịnh, phường Hùng Vương, thị xã Phú Thọ	5401/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	5 400		1 000	UBND thị xã Phú Thọ
-	Cải tạo, nâng cấp đường GT khu 8, khu 9 xã Hà Thạch, thị xã Phú Thọ	5402/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	13 500		7 000	UBND thị xã Phú Thọ
-	Cải tạo, nâng cấp trường tiểu học Thanh Minh	3211/QĐ-UBND ngày 28/10/2016	9 693	6 000	2 000	UBND xã Thanh Minh
-	Cải tạo, nâng cấp Trạm y tế xã Hà Thạch	3300/QĐ-UBND ngày 31/10/2017	2 354	900	960	UBND xã Hà Thạch
-	Chỉnh trang tuyến đường Sông Hồng, thị xã Phú Thọ; hạng mục: Vĩa hè, cây xanh, điện trang trí	3564/QĐ-UBND 20/11/2017	6 156		1 100	UBND thị xã Phú Thọ
-	Chỉnh trang tuyến đường Sông Hồng, thị xã Phú Thọ (giai đoạn 2)	2962/QĐ-UBND 18/9/2017	6 781	3 000	1 000	UBND thị xã Phú Thọ
-	Khắc phục hệ thống thoát nước khu vực nội thị tuyến Tháng Tám - tuyến Bạch Đằng - Ngọc Hoa, thị xã Phú Thọ	1284/QĐ-UBND 04/5/2017	10 355	5 000	5 300	UBND thị xã Phú Thọ
*	Huyện Hạ Hòa		85 641	15 717	23 315	
-	Trạm Y tế xã Minh Côi	4655/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	3 614	0	2 000	UBND huyện Hạ Hòa
-	Trường mầm non xã Lang Sơn	4019/QĐ-UBND 06/9/2018	10 347	0	2 000	UBND huyện Hạ Hòa

STT	Tên, danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Lũy kế vốn đã bố trí đến hết 31/12/2018	Kế hoạch 2019	Ghi chú (Chủ đầu tư)
		Số quyết định, ngày tháng năm	TMDT, QT*			
-	Nâng cấp, cải tạo đường GTNT xã Yên Kỳ (Đoạn từ ĐT314 - trung tâm xã)	4505/QĐ-UBND 16/10/2018	10 041	0	2 000	UBND huyện Hạ Hòa
-	Xây dựng Trường Mầm non Vụ Cầu, huyện Hạ Hòa	5204/QĐ-UBND ngày 23/10/2017	5 227	0	2 000	UBND xã Vụ Cầu
-	Nâng cấp cải tạo đường GTNT xã Lang Sơn, huyện Hạ Hòa	5162/QĐ-UBND ngày 17/10/2017	5 679	1 300	2 800	UBND huyện Hạ Hòa
-	Nâng cấp, cải tạo đường GTNT Động Lâm	3997 ngày 31/10/2016; 5690/QĐ-UBND ngày 29/11/2017	7 849	5 747	1 515	UBND huyện Hạ Hòa
-	Nâng cấp, cải tạo đường GTNT xã Đại Phạm (Tuyến từ ĐT đi khu 7)	3776/QĐ-UBND 30/8/2017	7 720	0	3 000	UBND huyện Hạ Hòa
	Trạm y tế xã Y Sơn, huyện Hạ Hòa	1832/QĐ-UBND ngày 18/7/2017	3 381	2 370	500	UBND huyện Hạ Hòa
-	Nâng cấp, cải tạo các phòng học và phòng chức năng trường Tiểu học Lâm Lợi, huyện Hạ Hòa	725/QĐ-UBND ngày 30/3/2016	1 571	680	500	UBND huyện Hạ Hòa
-	Nâng cấp, cải tạo các phòng học và phòng chức năng trường Tiểu học Động Lâm, huyện Hạ Hòa	739/QĐ-UBND ngày 30/3/2016	1 463	620	500	UBND huyện Hạ Hòa
-	Nhà lớp học 2T - 10P và các hạng mục phụ trợ Trường tiểu học Đan Hà, huyện Hạ Hòa	5154/QĐ-UBND ngày 26/10/2017; 2268/QĐ-UBND 04/7/2018	6 149	500	2 000	UBND xã Đan Hà
-	Nâng cấp, cải tạo đường GTNT xã Vĩnh Chân (đoạn từ ĐT320D đi thôn Chân Lao)	4485/QĐ-UBND ngày 15/10/2018	12 546	0	1 000	UBND huyện Hạ Hòa
-	Trường Mầm non Minh Hạc	QĐ 4009/QĐ-UBND ngày 31/10/2016	6 681	3 000	2 000	UBND huyện Hạ Hòa
-	Nhà điều hành và các phòng học chức năng Trường THCS Bằng Giã, huyện Hạ Hòa	5526/QĐ-UBND ngày 26/10/2017; 2210/QĐ-UBND ngày 13/6/2018	3 373	1 500	1 500	UBND huyện Hạ Hòa
*	Thành phố Việt Trì		99 778	53 417	22 300	
-	Trường mầm non Dữu Lâu (Nhà lớp học 2 tầng 10 phòng Trường mầm non Dữu Lâu)	8578/QĐ-UBND ngày 28/10/2016	6 785	2 000	1 000	UBND phường Dữu Lâu
-	Trạm y tế phường Minh Phương	3282/QĐ-UBND ngày 23/10/2018	2 500	0	1 000	UBND phường Minh Phương
-	Nhà lớp học 2 tầng 8 phòng học, Trường tiểu học Thống Nhất, xã Thụy Vân, thành phố Việt Trì	3283/QĐ-UBND 23/10/2018	5 000	0	4 000	UBND xã Thụy Vân
-	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông khu Tiên Phong, phường Tiên Cát, thành phố Việt Trì (đoạn từ đường Hùng Vương đến Trường TH Tiên Cát)	5077/QĐ-UBND ngày 15/6/2017	2 829	1 500	800	UBND phường Tiên Cát
-	Sửa chữa, cải tạo đường phố Đốc Ngữ, thành phố Việt Trì	10085/QĐ-UBND ngày 27/10/2017	14 395	0	3 000	UBND thành phố Việt Trì
-	Sửa chữa, cải tạo, nâng cấp 3 tuyến đường giao thông nông thôn bằng BTXM xã Kim Đức, thành phố Việt Trì	8583/QĐ-UBND ngày 27/10/2016	10 906	8 480	1 500	UBND xã Kim Đức
-	Nâng cấp tuyến đường giao thông xã Trung Vương (đoạn từ đường Nguyễn Tất Thành đến đường Đê Long Châu Sa)	8963/QĐ-UBND ngày 29/9/2017	7 829	6 343	1 000	UBND xã Trung Vương
-	Nhà lớp học 3 tầng Trường mầm non Hòa Phong	2546/QĐ-UBND 23/10/2015	7 203	4 000	1 500	Trường mầm non Hòa Phong
-	Nhà lớp học 2 tầng 6 phòng học Trường mầm non Hy Cương, thành phố Việt Trì	8576, ngày 27/10/2016; 3053/QĐ-UBND 03/10/2018	5 615	2 250	2 000	UBND xã Hy Cương

STT	Tên, danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Lũy kế vốn đã bố trí đến hết 31/12/2018	Kế hoạch 2019	Ghi chú (Chủ đầu tư)
		Số quyết định, ngày tháng năm	TMĐT, QT*			
-	Đầu tư xây dựng tu bổ, tôn tạo di tích đình An Thái xã Phụng Lâu	2642 ngày 30/10/2014; 2639 ngày 10/10/2017	20 979	18 900	1 500	UBND xã Phụng Lâu
-	Hỗ trợ Trường tiểu học Gia Cẩm				2 000	UBND phường Gia Cẩm
-	Nhà lớp học 2 tầng 6 phòng Trường mầm non Kim Đức	8427 ngày 25/10/2016	4 688	3 435	1 000	UBND xã Kim Đức
-	Đường GTNT bằng xi măng đoạn từ khu tái định cư đồi cây Đa đến khu 8A xã Chu Hóa	10096/QĐ-UBND ngày 27/10/2017; 2144/QĐ-UBND 27/7/2018	2 015	1 500	500	UBND xã Chu Hóa
-	Xây dựng nhà lớp học 2 tầng 4 phòng Trường tiểu học Tiên Dung, thành phố Việt Trì	9863/QĐ-UBND ngày 23/10/2017	2 473	0	1 000	UBND phường Gia Cẩm
-	Nhà lớp học kiêm Nhà điều hành và Nhà bếp Trường mầm non Hùng Lô, thành phố Việt Trì	9244/QĐ-UBND ngày 14/10/2015	6 561	5 009	500	UBND xã Hùng Lô
*	Huyện Yên Lập		103 636	10 816	29 330	
-	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT từ khu Rừng Cao xã Mỹ Lương đi khu Xuân Thắng xã Mỹ Lương (giai đoạn 1)	1614/QĐ-UBND 25/10/2017	7 668		2 930	UBND xã Mỹ Lương
-	Hỗ trợ xây dựng Khu tập kết rác thải tập trung trên địa bàn huyện Yên Lập	2072/QĐ-UBND ngày 30/11/2017	14 445	4 800	1 500	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Yên Lập
-	Phòng học chức năng và phòng học bộ môn Trường THCS Xuân An	Số 1929/QĐ-UBND ngày 26/10/2018	3 789		2 000	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Yên Lập
-	Đường giao thông nông thôn bằng bê tông xi măng loại A từ nhà ông Tuyên đi nhà ông Yên khu Tâm Bưởi xã Đồng Thịnh, huyện Yên Lập	88/QĐ-UBND 21/8/2017	2 038	466	1 000	UBND xã Đồng Thịnh
-	Đường GTNT khu Tân Thành 1, xã Ngọc Lập		2 470	1 020	1 000	UBND xã Ngọc Lập
-	Nhà sinh hoạt cộng đồng xã Đồng Thịnh, huyện Yên Lập	422/QĐ-UBND 24/4/2016	2 847		1 000	UBND xã Đồng Thịnh
-	Đường giao thông nội đồng xã Xuân Thủy, huyện Yên Lập	1760/QĐ-UBND 31/10/2017	2 396		900	UBND xã Xuân Thủy
-	Chỉnh trang vỉa hè, hành lang, hệ thống điện chiếu sáng đô thị, thị trấn Yên Lập, huyện Yên Lập	1589/QĐ-UBND 20/10/2017	14 245		4 000	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Yên Lập
-	Cải tạo, nâng cấp duy tu sửa chữa đường Thị trấn Yên Lập- Thượng Long	1549, ngày 27/10/2016	12 511		2 500	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Yên Lập
-	Nhà lớp học 2 tầng 8 phòng học Trường Tiểu học thị trấn Yên Lập, huyện Yên Lập	1534, ngày 27/10/2016	5 248		1 000	UBND thị trấn Yên Lập
-	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường GTNT từ QL 70B đi nhà ông Kiềm xóm Thịnh, xã Xuân An, huyện Yên Lập	Số 1686/QĐ-UBND 26/9/2017	3 825		1 000	UBND xã Xuân An
-	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nông thôn xã Mỹ Lương, huyện Yên Lập	1632/QĐ-UBND 25/10/2017	14 920		3 000	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Yên Lập
-	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT tuyến Xuân Tân - Hưng Thịnh xã Lương Sơn	QĐ số 1932/QĐ-UBND ngày 26/10/2018	6 710	1 500	2 000	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Yên Lập
-	Đường GTNT thôn Phú Thịnh, xã Lương Sơn, huyện Yên Lập	Số 1613/QĐ-UBND ngày 25/10/2017	2 168	1 020	1 000	UBND xã Lương Sơn
-	Cụm Công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp Lương Sơn, huyện Yên Lập ĐĐ1	Số 1582/QĐ-UBND ngày 18/9/2018	2 962	360	2 000	Ban QL hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp thị trấn Yên Lập



STT	Tên, danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Lũy kế vốn đã bố trí đến hết 31/12/2018	Kế hoạch 2019	Ghi chú (Chủ đầu tư)
		Số quyết định, ngày tháng năm	TMĐT, QT*			
-	Nâng cấp đập quyền 1 - Quảng Đông xã Xuân Yên, huyện Yên Lập	51/QĐ-UBND ngày 16/6/2016	2 175	1 650	500	UBND xã Xuân Yên
-	Đường giao thông từ cầu Bến Sỏ đi Khu vui chơi giải trí thanh, thiếu niên huyện Yên Lập	1628/QĐ-UBND ngày 25/10/2017	3 220		2 000	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Yên Lập

DỰ KIẾN PHÂN BỐ KẾ HOẠCH VỐN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA NĂM 2019

(Kèm theo Nghị quyết số: 16/2018/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ)

Đơn vị: Triệu đồng



TT	Danh mục dự án	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016-2020		Kế hoạch năm 2018		Kế hoạch 2019	Ghi chú
		Tổng số	Kế hoạch đã giao các năm 2016-2018	Kế hoạch năm 2018 đã giao	Giải ngân Kế hoạch năm 2018 tính từ 01/01/2018 đến hết ngày 30/9/2018		
	TỔNG SỐ	1.732.685	738.562	283.889	187.956	381.263	
1	Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững	572.495	370.452	102.289	69.920	107.663	Quyết định phân bổ chi tiết sau
2	Chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng Nông thôn mới	1.160.190	368.110	181.600	118.036	273.600	Quyết định phân bổ chi tiết sau